

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

LÂM ĐỒNG - 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|-----------|----------------------|--------------------|-----------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Văn Dũng | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ | |
| 2 | Trần Văn Luật | Hiệu phó | Phó Chủ tịch HĐ | |
| 3 | Đặng Thị Mai | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 4 | Đoàn Thị Diệu Huyền | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 5 | Nguyễn Thị Hương | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 6 | Nguyễn Văn Viễn | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 7 | Trần Kim Hằng | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 8 | Trần Thị Kim Anh | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 9 | Văn Thị Thu Hiền | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 10 | Võ Xuân Hải | Tổ trưởng | Ủy viên HĐ | |
| 11 | Dương Hồng Kông | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 12 | Nguyễn Thị Nguyệt | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 13 | Nguyễn Thị Thịnh | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 14 | Nguyễn Thị Thùy | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 15 | Phan Thị Thanh Giang | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 16 | Nguyễn Văn Phương | Chủ tịch công đoàn | Ủy viên HĐ | |
| 17 | Nguyễn Hồng Thạch | Tổ trưởng | Thư ký | |

MỤC LỤC
NỘI DUNG

Trang

| | |
|---------------------------------------|----|
| MỤC LỤC | 1 |
| DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT | 3 |
| BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 6 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 11 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1 | 14 |
| Mở đầu: | 14 |
| Tiêu chí 1.1 | 14 |
| Tiêu chí 1.2 | 17 |
| Tiêu chí 1.3 | 19 |
| Tiêu chí 1.4 | 22 |
| Tiêu chí 1.5 | 25 |
| Tiêu chí 1.6 | 26 |
| Tiêu chí 1.7 | 29 |
| Tiêu chí 1.8 | 31 |
| Tiêu chí 1.9 | 33 |
| Tiêu chí 1.10 | 35 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1: | 38 |
| Tiêu chuẩn 2 | 40 |
| Mở đầu: | 40 |
| Tiêu chí 2.1 | 41 |
| Tiêu chí 2.2 | 43 |
| Tiêu chí 2.3 | 46 |
| Tiêu chí 2.4 | 48 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2: | 51 |
| Tiêu chuẩn 3 | 52 |

| | |
|--------------------------------|----|
| Mở đầu: | 52 |
| Tiêu chí 3.1 | 52 |
| Tiêu chí 3.2 | 54 |
| Tiêu chí 3.3 | 56 |
| Tiêu chí 3.4 | 58 |
| Tiêu chí 3.5 | 60 |
| Tiêu chí 3.6 | 62 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 3: | 64 |
| Tiêu chuẩn 4 | 66 |
| Mở đầu: | 66 |
| Tiêu chí 4.1 | 66 |
| Tiêu chí 4.2 | 69 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4: | 72 |
| Tiêu chuẩn 5 | 73 |
| Mở đầu: | 73 |
| Tiêu chí 5.1 | 73 |
| Tiêu chí 5.2 | 76 |
| Tiêu chí 5.3 | 78 |
| Tiêu chí 5.4 | 80 |
| Tiêu chí 5.5 | 83 |
| Tiêu chí 5.6 | 85 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 5: | 87 |
| II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4 | 88 |
| Tiêu chí 1: | 88 |
| Tiêu chí 2: | 89 |
| Tiêu chí 3: | 90 |
| Tiêu chí 4: | 91 |
| Tiêu chí 5: | 92 |
| Tiêu chí 6: | 93 |
| Kết luận: | 94 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 95 |
| | |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| CHỮ VIẾT TẮT | NỘI DUNG VIẾT TẮT |
|--------------|---------------------|
| ATGT | An toàn giao thông |
| CB | Cán bộ |
| CBQL | Cán bộ quản lí |
| CLGD | Chất lượng giáo dục |
| CMHS | Cha mẹ học sinh |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CSVCS | Cơ sở vật chất |
| GDĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| GDPT | Giáo dục phổ thông |
| GDQP | Giáo dục quốc phòng |
| GV | Giáo viên |
| GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| HS | Học sinh |
| HSG | Học sinh giỏi |
| HT | Hiệu trưởng |
| KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| NGLL | Ngoài giờ lên lớp |
| NV | Nhân viên |
| PHT | Phó hiệu trưởng |
| QCDC | Quy chế dân chủ |
| TDTT | Thể dục thể thao |
| THPT | Trung học phổ thông |
| TNCS | Thanh niên cộng sản |
| UBND | Ủy ban nhân dân |

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.2 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.6 | | x | x | x |
| Tiêu chí 1.7 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.8 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.9 | | x | x | |
| Tiêu chí 1.10 | | x | x | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 2.4 | | x | x | x |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.3 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 | | x | x | |

| | | | | |
|---------------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 3.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 3.6 | | x | x | x |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 | | x | x | x |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 | | x | x | |
| Tiêu chí 5.4 | | x | x | |
| Tiêu chí 5.5 | | x | x | x |
| Tiêu chí 5.6 | | x | x | x |

Kết quả: Đạt mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | | Ghi chú |
|------------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Tiêu chí 1 | | x | |
| Tiêu chí 2 | | x | |
| Tiêu chí 3 | x | | |
| Tiêu chí 4 | | x | |
| Tiêu chí 5 | | x | |
| Tiêu chí 6 | x | | |

Kết quả: Không đạt mức 4

2. Kết luận: Trường Đạt mức 3

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU**

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG**

| | | | |
|--|------------------|------------------------------|---|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Lâm Đồng | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Văn Dũng |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Di Linh | Điện thoại | 02.633.870513 |
| Xã / phường/thị trấn | Thị trấn Di Linh | Fax | |
| Đạt chuẩn quốc gia | Đạt mức 1 | Website | https://thptphanboichau.lamdong.edu.vn/ |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2012 | Số điểm trường | |
| Công lập | x | Loại hình khác | |
| Tư thục | | Thuộc vùng khó khăn | |
| Trường chuyên biệt | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | |
| Trường liên kết với nước ngoài | | | |

1. Số lớp học

| Số lớp học | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 10 | 11 | 10 | 11 | 11 | 11 |
| Khối lớp 11 | 11 | 11 | 10 | 10 | 11 |
| Khối lớp 12 | 9 | 10 | 10 | 10 | 9 |
| Cộng | 31 | 31 | 31 | 31 | 31 |

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|----|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 26 | 26 | 26 | 26 | 26 | |
| 1 | Phòng học | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 | |
| a | Phòng học kiên cố | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 | |
| b | Phòng học bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Phòng học bộ môn | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | |
| a | Phòng kiên cố | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | |

| | | | | | | | |
|-----|---|----|----|----|----|----|--|
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Cộng | 36 | 36 | 36 | 36 | 38 | |

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | |
| Giáo viên | 69 | 47 | 5 | 0 | 63 | 6 | |
| Nhân viên | 7 | 5 | 0 | 0 | 7 | 0 | |
| Cộng | 79 | 52 | 5 | 0 | 72 | 7 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|----|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 69 | 69 | 69 | 69 | 69 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2.23 | 2.23 | 2.23 | 2.23 | 2.23 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.069 | 0.064 | 0.065 | 0.061 | 0.057 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 8 | 0 | 2 | 5 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |

4. Học sinh

a) Số liệu chung

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|-----|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| 1.3 | Tổng số học sinh | 994 | 1072 | 1064 | 1123 | 1217 | |
| 1.1 | - Nữ | 534 | 613 | 613 | 675 | 698 | |
| 1.2 | - Dân tộc thiểu số | 393 | 459 | 497 | 524 | 544 | |
| 1.4 | - Khối lớp 10 | 381 | 397 | 383 | 427 | 465 | |
| 1.5 | - Khối lớp 11 | 348 | 334 | 364 | 349 | 416 | |
| 1.6 | - Khối lớp 12 | 265 | 341 | 317 | 353 | 336 | |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 381 | 397 | 383 | 427 | 465 | |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 32.1 | 34.6 | 34.32 | 36.23 | 39.26 | |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 994 | 1072 | 1064 | 1123 | 1217 | |
| 7.1 | - Nữ | 534 | 613 | 613 | 613 | 698 | |
| 7.2 | - Dân tộc thiểu số | 393 | 459 | 497 | 524 | 544 | |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh | 9 | 15 | 14 | 22 | 28 | |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 115 | 88 | 55 | 112 | 102 | |

| | | | | | | | |
|------|--|----|----|----|----|-----|--|
| 10.1 | - Nữ | 64 | 55 | 23 | 44 | 65 | |
| 10.2 | - Dân tộc thiểu số | 77 | 70 | 55 | 68 | 109 | |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 5 | 9 | 6 | 5 | 5 | |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

| Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 12.67 | 14.27 | 18.5 | 22.9 | 25.23 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 39.24 | 37.59 | 39.28 | 45.1 | 46.01 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại TB | | 38.25 | 37.41 | 30.19 | 27.36 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 7.85 | 9.89 | 5.26 | 1.8 | 0.58 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 81.19 | 78.26 | 86.65 | 91.27 | 90.8 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 17.2 | 20.62 | 13.35 | 8.01 | 8.5 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 1.21 | 1.12 | 0 | 0.36 | 0.7 | |

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Phan Bội Châu được thành lập theo Quyết định số 278/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khối HS THCS ra khỏi Trường THCS và THPT Phan Bội Châu-Di Linh. Trường tọa lạc tại đường Phan Bội Châu thuộc tổ dân phố 9 - Thị trấn Di Linh. Địa bàn tuyển sinh của trường là thị trấn Di Linh (Tổ 1,2,3,4,9,10,11,12,13,20) và các xã: Tân Châu, Bảo Thuận, Sơn Điền, Liên Đàm (Thôn 4, 5, 9).

Trong năm học 2023 - 2024, toàn trường có 31 lớp với 1217 HS; nhà trường có 79 CBQL, GV, NV trong đó: CBQL: 03, GV: 69, NV: 07 (trong đó có 03 NV hợp đồng 111), được chia làm 08 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, tất cả đội ngũ đều có trình độ đạt chuẩn, có 07 CBQL, GV có trình độ trên chuẩn. Cơ sở vật chất (CSVC) của trường với diện tích 32.749 m², có 20 phòng học, các phòng học được trang bị máy chiếu projector hoặc tivi màn hình lớn để ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào trong dạy học; khu thí nghiệm, thực hành với 03 phòng bộ môn phục vụ trong giảng dạy các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học; 02 phòng máy tính đã kết nối mạng Internet đường truyền cáp quang; 01 phòng bộ môn Tiếng Anh; 01 phòng thư viện, có phòng đọc cho GV-HS; khu hiệu bộ có đủ phòng làm việc cho HT, PHT, Văn thư, Kế toán, Y tế và các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức khác trong nhà trường.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, CSVC của nhà trường cơ bản đáp ứng tốt cho nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của CB, GV, NV và HS. Cảnh quan môi trường sư phạm thường xuyên được tu bổ, tôn tạo ngày càng khang trang, sạch đẹp. Đội ngũ CBQL, GV, NV nhiệt tình, có trình độ chuẩn về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm với công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức đoàn kết và tương trợ nhau trong công tác và đời sống. Phần lớn HS của nhà trường chăm ngoan, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động do nhà trường, Đoàn trường tổ chức; có ý thức chấp hành nội qui, qui định của nhà trường và pháp luật của Nhà nước. CLGD của nhà trường ngày một nâng cao với nhiều thành tích đáng tự hào như: Năm học 2019-2020: trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học, được Sở GDĐT tặng giấy khen trong phong trào thi đua

“Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”, Công đoàn được tặng bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam; Năm học 2020-2021: trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, được Sở GDĐT tặng giấy khen trong phong trào “Hỗ trợ giáo dục vùng sâu xa và trường giúp trường”, Đoàn trường được tặng Giấy khen của Huyện Đoàn Di Linh; Năm học 2021-2022: trường được Sở GDĐT công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, Công đoàn được tặng bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng, Đoàn trường được tặng Giấy khen của UBND huyện Di Linh; Năm học 2022-2023: trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và nhận Cờ thi đua, Công đoàn được nhận Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng; Đoàn trường được nhận Bằng khen của Trung ương đoàn và của Tỉnh đoàn Lâm Đồng.

Tháng 8 năm 2018, nhà trường đã được Sở GDĐT Lâm Đồng công nhận trường đạt tiêu chuẩn CLGD cấp độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Trung học qui định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

2. Mục đích TĐG

Nhằm giúp nhà trường thấy được những điểm mạnh, điểm yếu ở các hoạt động trong thời gian qua, từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt kiểm định CLGD.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở GDPT; Công văn số 195/SGDĐT-KTKĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở GDĐT Lâm Đồng về việc tăng cường công tác kiểm định CLGD và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, Nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 251/QĐ-THPTPBC ngày 23/10/2023 gồm 17 thành viên; thành lập 01 nhóm thư ký và

06 nhóm công tác để giúp Hội đồng tự đánh giá thực hiện một số công việc theo phân công.

Thực hiện quy trình tự đánh giá như sau:

a) Quy trình tự đánh giá:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Bước 4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Bước 5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn.

Bước 6. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

b) Phương pháp và công cụ đánh giá:

- Phương pháp đánh giá:

+ Nghiên cứu Thông tư của Bộ GDĐT, các tài liệu văn bản hướng dẫn;

+ Dự tập huấn công tác tự đánh giá do ngành tổ chức và tập huấn lại cho hội đồng;

+ Thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện các quy trình tự đánh giá;

- Công cụ đánh giá: Thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GDĐT.

Để triển khai hoạt động tự đánh giá đạt hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và nhóm thư ký. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được, tiến hành viết các phiếu đánh giá tiêu chí. Phiếu đánh giá tiêu chí được lập cho từng tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá được viết ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ những hoạt động liên quan đến toàn bộ các

tiêu chuẩn, tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo Tự đánh giá còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến chất lượng, phát huy điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được lấy ý kiến góp ý của CBQL, GV, NV của nhà trường trước khi thông qua Hội Đồng tự đánh giá và ký duyệt của HT nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Phan Bội Châu có cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động đúng theo quy định tại Điều lệ trường trung học gồm: Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng; có tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Hội khuyến học, các tổ chức này hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định.

Nhà trường có đủ đội ngũ GV để giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ GDĐT, tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo quy định góp phần quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản được chú trọng; công tác an ninh trật tự; phòng chống thiên tai, dịch bệnh được đảm bảo, giúp nhà trường hoàn thành tốt sứ mạng giáo dục.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo từng giai đoạn 2015-2020; 2020-2025 và các nguồn lực thực tế của nhà trường [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng bằng văn bản theo quy định được Sở GDĐT phê duyệt [H1-1.1-01]

Phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết tại bản tin của nhà trường và đăng trên website của trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

Nội dung chiến lược đã làm rõ được điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức, thuận lợi và khó khăn, tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị, mục tiêu, chỉ tiêu, phương châm hành động của trường.

Chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện được quyết tâm của CBQL, GV, NV nhà trường cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân địa phương, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm.

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và đưa ra nhiều giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Giám sát công tác tổ chức và quản lý nhà trường; Giám sát công tác phát triển đội ngũ; Giám sát công tác đầu tư CSVC và thiết bị dạy học; Giám sát hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; Giám sát việc tạo mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Hàng năm trường vẫn tiếp tục vừa rà soát vừa điều chỉnh chiến lược phát triển cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Điều đó được cụ thể hóa trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm [H1-1.1-06].

Việc tổ chức bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được thực hiện công khai, dân chủ, có sự tham gia ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, HS, CMHS và đại diện chính quyền địa phương. Tuy nhiên sự tham gia ý kiến của CMHS, HS và đại diện chính quyền địa phương về bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường còn hạn chế [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường đã được Sở GDĐT phê duyệt, công khai kịp thời, bám sát mục tiêu giáo dục, cập nhật các xu hướng phát triển trong giáo dục, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Nhà trường định kì đánh giá, rà soát kết quả thực hiện kế hoạch năm học đảm bảo mục tiêu đề ra trong phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia ý kiến của CMHS, HS và đại diện chính quyền địa phương về bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ nay đến cuối năm 2025, HT cùng Hội đồng trường tiến hành rà soát, đánh giá tiến độ hoàn thành của những mục tiêu chưa đạt được của phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 để tiếp tục điều chỉnh nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và làm căn cứ xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 phù hợp với điều kiện nhà trường, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và yêu cầu đổi mới giáo dục, việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới 2018.

Tiếp tục đổi mới nội dung, cách thức sinh hoạt Hội đồng trường để phát huy tính tự giác, chủ động đóng góp ý kiến của các thành viên. Tiếp tục tăng cường phối hợp với CMHS và chính quyền địa phương trong việc tích cực đóng góp ý kiến cho kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường hàng năm và theo từng giai đoạn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường THPT Phan Bội Châu được thành lập theo Quyết định số 864/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng v/v kiện toàn Hội đồng trường THPT Phan Bội Châu, nhiệm kỳ 2021-2026, đảm bảo cơ

cấu hoạt động theo Thông tư số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H1-1.2-01].

Trong từng năm học, nhà trường thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, các Hội đồng coi thi, chấm thi các hội thi, cuộc thi, kỳ thi cấp trường theo quy định [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H1-1.2-01]; [H1-1.1-05].

Hội đồng thi đua và khen thưởng của nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các văn bản quy định hiện hành [H1-1.2-02]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-06].

Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác có quyết định thành lập và quy định rõ về thành phần, nhiệm vụ, thời gian hoạt động phù hợp với từng nội dung công việc. Các thành viên của Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác có phẩm chất, năng lực tốt, tham mưu cho HT thực hiện có hiệu quả trong từng lĩnh vực giáo dục của nhà trường [H1-1.2-03].

Các hoạt động của Hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá thường xuyên theo học kỳ, qua việc lồng ghép trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường hàng tháng, trong các đợt sơ kết học kì và tổng kết năm học nhằm bổ sung thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhà trường và địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Tất cả các hội đồng trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện nhiệm vụ GDĐT, qua đó góp phần hoàn thành nhiệm vụ giáo dục từng năm học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tuy nhiên trong các cuộc họp đại diện chính quyền địa phương, đại diện CMHS chưa có nhiều ý kiến đóng góp vào hoạt động của hội đồng trường [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và đã phát huy được tác dụng, góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong các cuộc họp hội đồng trường đại diện chính quyền địa phương, đại diện CMHS chưa có nhiều ý kiến đóng góp vào hoạt động của hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 nhà trường rà soát, điều chỉnh Quy chế làm việc của một số Hội đồng để tạo điều kiện, phát huy tích cực vai trò, nhiệm vụ của một số thành viên trong Hội đồng; thường xuyên kiểm tra, đánh giá để các thành viên phát huy trí tuệ trong xây dựng hiệu quả các Hội đồng nhằm tư vấn giúp Hiệu trưởng quản lý tốt các hoạt động nhà trường.

Tiếp tục tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương, CMHS trong việc tích cực đóng góp ý kiến trong các phiên họp của hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể trong nhà trường: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Chi hội khuyến học có cơ cấu tổ chức theo quy định, cơ cấu tổ chức hợp lý phù hợp với đặc điểm của trường, địa phương. Số lượng nhân sự đảm bảo đúng theo Điều lệ của mỗi tổ chức [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các tổ chức đều hoạt động theo quy định. Các chương trình công tác, kế hoạch hoạt động đều được xây dựng theo từng năm học, học kì, tháng [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Hằng năm, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường đều tổ chức họp để rà soát, đánh giá các hoạt động đã thực hiện đề xuất biện pháp khắc phục đối với những mặt còn hạn chế, thiếu sót; khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

Mức 2:

Chi bộ trường THPT Phan Bội Châu hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam với 32 đảng viên (29 chính thức, 03 dự bị); chi ủy gồm 3 đồng chí gồm Bí thư, 01 Phó bí thư và 01 chi ủy viên. Chi bộ nhà trường đã xây dựng phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể, bám sát những nhiệm vụ chính trị và quy định chung của Đảng, của các cấp, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra. Chi bộ sinh hoạt định kỳ mỗi tháng 01 lần vào đầu tháng và ra Nghị quyết, phân công nhiệm vụ cho

đảng viên từng tháng. Chi bộ đảng được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Chi hội chữ thập đỏ có đóng góp tích cực trong các hoạt động giáo dục, văn hóa văn nghệ, TDTT và phong trào thi đua của nhà trường. Hằng năm, các đoàn thể và tổ chức đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được cấp trên khen thưởng [H1-1.3-09].

Mức 3:

Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ nhà trường được Ban thường vụ huyện ủy Di Linh công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó: Năm 2019, 2021, 2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2020, 2023 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Hằng năm, trường đã vận động CB, GV, NV, HS ủng hộ “Trường giúp trường” theo hướng dẫn của Công đoàn Ngành, ủng hộ quỹ vì người nghèo; Ủng hộ người dân Thổ Nhĩ Kỳ và Syria khắc phục hậu quả thảm họa động đất: 15.054.000 đồng; Hỗ trợ xã Tân Châu xây dựng Nông thôn mới: 8.000.000 đồng; Tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập tại trường THCS Tân Châu 10.000.000 đồng; Tặng quà cho gia đình hộ nghèo ở xã Tân Châu 10.000.000 đồng; Hỗ trợ GV trong trường điều trị bệnh: 82.450.000 đồng. Tổ chức thành công đêm văn nghệ gây quỹ “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Phan Bội Châu” với số tiền vận động quyên góp là (Năm 2022: 121.315.000 đồng; năm 2023: 108.835.000 đồng). Tuy nhiên, một số hoạt động của các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có lúc còn mang tính hình thức, chưa có chiều sâu, thiếu sự sáng tạo, ít tầm ảnh hưởng tới cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng phát huy tốt chức năng nhiệm vụ lãnh đạo, nhiều năm liền hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp ủy có thẩm quyền công nhận.

Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức khác thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của nhà trường và được các cấp tặng bằng khen, giấy khen.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động của các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có lúc còn mang tính hình thức, chưa có chiều sâu, thiếu sự sáng tạo, ít tầm ảnh hưởng tới cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp với chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Định kỳ, Ban chấp hành các đoàn thể tiến hành rà soát, đánh giá các hoạt động đã tổ chức triển khai trong năm học. Phối hợp với chính quyền nhà trường, các tổ chức đoàn thể địa phương để xây dựng và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT mang tầm ảnh hưởng tới cộng đồng, tạo sân chơi lành mạnh và thu hút CB, GV, NV và HS tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Bội Châu có đội ngũ CBQL nhà trường gồm HT, 02 PHT đủ số lượng theo quy định, do Giám đốc Sở GDĐT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm [H1-1.4-01].

Hằng năm vào đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập tổ chuyên môn và bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo quy định tại Điều lệ trường phổ thông. Năm học 2023-2024, nhà trường có 08 tổ chuyên môn gồm: Toán, Vật lí, Hóa-Tin, Sinh học, Ngữ Văn, Sử-Địa-CD, Tiếng Anh, Thể dục-Quốc phòng an ninh và 01 tổ Văn phòng [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch tổ ngay từ đầu năm học và có kế hoạch chi tiết theo học kỳ, tháng và hoạt động đúng nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng và tổ chức triển khai các chuyên đề như: chuyên đề sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; chuyên đề ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, STEM...phù hợp với từng môn học có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục bộ môn và nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng thực hiện việc sinh hoạt ít nhất 02 tuần/lần và họp đột xuất theo yêu cầu của HT. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung vào các vấn đề như: trao đổi thảo luận về các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm về việc tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của tổ đã triển khai. Cuối mỗi đợt thi đua, cuối học kỳ, năm học các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đều tổ chức sơ kết, tổng kết để rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GV trung học; đề xuất khen thưởng kỷ luật GV. Tổ chuyên môn tổ chức bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu, hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT. Tổ Văn phòng thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ của nhà trường đồng thời thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá các thành viên trong tổ [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04].

Trong thời gian qua, các tổ chuyên môn thực hiện tốt các chuyên đề chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, STEM góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các tổ chuyên môn đều triển khai thực hiện có hiệu quả các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đề trải nghiệm sáng tạo...phù hợp với từng môn học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, các tổ chuyên môn hoạt động chưa đồng đều nhất là nâng cao hiệu quả chuyên đề bồi dưỡng HSG. Một số thời điểm nội dung sinh hoạt chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa tập trung sâu vào giải quyết các vấn đề chuyên môn. Hiệu quả công tác bồi dưỡng HSG ở một vài bộ môn chưa cao [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường trung học. Tổ chuyên môn, Văn phòng hoạt động hiệu quả, thường xuyên rà soát, góp ý chuyên môn, xây dựng chuyên đề đổi mới phương pháp. CLGD của nhà trường ngày càng được khẳng định và nâng cao.

3. Điểm yếu

Một số thời điểm nội dung sinh hoạt chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa tập trung sâu vào giải quyết các vấn đề chuyên môn. Hiệu quả công tác bồi dưỡng HSG ở một vài bộ môn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường chỉ đạo các tổ nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chú trọng công tác bồi dưỡng HSG cả về số lượng và chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ 03 khối lớp của cấp THPT (khối lớp 10, khối lớp 11, khối lớp 12). Năm học 2023-2024, trường có 31 lớp, trong đó khối 10 có 11 lớp, khối 11 có 11 lớp, khối 12 có 09 lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

HS nhà trường được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 01 hoặc 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 04 tổ HS, có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: Mỗi lớp 12 được phân công 01 phòng học, các lớp còn lại hai lớp 01 phòng. Phòng học có đầy đủ các đồ

dùng, dụng cụ cần thiết phục vụ cho việc học tập như bàn ghế, bảng chống lóa, máy chiếu, tivi...Tập thể lớp sử dụng và bảo quản các trang thiết bị đến cuối năm học. Các tổ chức, hoạt động liên quan đến lợi ích của HS đều được đưa ra xin ý kiến hội đồng sư phạm, Ban đại diện CMHS, HS một cách công khai, dân chủ [H1-1.1-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

Nhà trường có tổng số 31 lớp; sĩ số HS được tổ chức lớp đúng quy định, sĩ số HS bình quân 39,26/HS trên lớp. Mỗi lớp phân công GVCN thực hiện công tác quản lý theo quy định [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 trường giữ ổn định 31 lớp. Mỗi lớp bình quân 39.26 HS [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp từ lớp 10 đến lớp 12.

Nhà trường sắp xếp lớp học theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và phương án duyệt biên chế năm học của Sở GDĐT.

Ban cán sự lớp được thành lập theo tinh thần tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho lớp học, phát huy được vai trò tự quản của HS, năng khiếu lãnh đạo, điều hành của lớp.

Trường không quá 45 lớp. Sĩ số HS trong lớp theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số lớp sĩ số vượt quá 40 HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường sắp xếp lớp học đảm bảo số lượng HS/lớp theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thiết lập và lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ, bảo quản theo quy định của Luật lưu trữ hiện hành và Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GDĐT về việc Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ của ngành giáo dục, Thông tư 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội Vụ quy định thời gian bảo quản tài liệu, bao gồm: Sổ đăng bộ; học bạ HS; sổ theo dõi và đánh giá HS; kế hoạch giáo dục của nhà trường; sổ ghi đầu bài; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục, thư viện; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; hồ sơ kiểm tra, đánh giá CB, GV, NV; hồ sơ theo dõi sức khỏe HS; hồ sơ khen thưởng, kỷ luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Hàng năm, nhà trường điều lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt. HT chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện thống kê, quyết toán, báo cáo tài chính công khai và định kì tự kiểm tra tài chính, kiểm kê tài sản theo quy định. Nhà trường có sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục để phục vụ cho công tác quản lý tài sản thiết bị giáo dục của trường, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ và được công khai, được lấy ý kiến của tất cả CB,GV,NV trong nhà trường thông qua Hội nghị Cán bộ-Viên chức [H1-1.6-03]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản trong nhà trường đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy nhiên công tác quản lý tài sản, CSVC, thiết bị chưa thực sự khoa học [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng CNTT hiệu quả trong hoạt động quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm Bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý trường học, phần mềm quản lý điểm và hồ sơ GV (vnEdu), phần mềm quản lý thư viện...[H1-1.1-02].

Từ năm 2019 đến nay, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-04].

Mức 3:

Nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Nguồn kinh phí huy động đã được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định để hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên nguồn kinh phí huy động hàng năm chưa thật sự bền vững [H1-1.1-02]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.

Nhà trường ứng dụng hiệu quả CNTT vào quản lý hành chính, tài chính tài sản. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí có hiệu quả, đúng mục đích theo quy định tài chính. Chứng từ kế toán được sắp xếp một cách khoa học.

3. Điểm yếu

Công tác quản lý tài sản, CSVC, thiết bị chưa thực sự khoa học.

Nguồn kinh phí huy động hàng năm chưa thật sự bền vững.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn, dài hạn để huy động tài chính hợp pháp; đồng thời thực hiện giao lưu, kết nối thông tin xã hội để huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức, doanh nghiệp, các mạnh thường quân để phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

HT, kế toán, nhân viên thiết bị, thí nghiệm tăng cường tập huấn, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong công tác quản lý tài chính. Kế toán, nhân viên thiết bị, thí nghiệm chủ động tham mưu cho HT trong quản lý tài chính, tài sản, CSVC và thiết bị dạy học khoa học, hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ Thông tư số 17/2019/BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên GV cơ sở GDPT; Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên CBQL cơ sở GDPT, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị hệ, tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL, GV và NV tổ chức học lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; đồng viên CB, GV tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay 100% CB, GV, NV của nhà trường đạt chuẩn về đào tạo, trong đó có 07 CBQL và GV có trình độ trên chuẩn [H1-1.1-02]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03];.

Việc phân công, sử dụng đội ngũ CBQL, GV, NV trong nhà trường đảm bảo tính rõ ràng, hợp lý, thực hiện theo đúng quy định của Luật viên chức, Luật lao động, các quy định hiện hành. Trên cơ sở xác định năng lực trình độ chuyên môn của GV, NV, lãnh đạo nhà trường phân công giảng dạy phù hợp với năng lực cho GV, phân công công việc cụ thể với từng NV nhằm đảm bảo tính hiệu quả của công việc được giao [H1-1.7-03].

CBQL, GV và NV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường đã tạo điều kiện, hỗ trợ và có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao CLGD nhà trường. Dựa trên kết quả đánh giá CBQL, GV, NV theo chuẩn chức danh nghề nghiệp hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, phân công nhiệm vụ phù hợp để phát huy được năng lực và sở trường của đội ngũ CBQL, GV, NV nhằm nâng cao CLGD. Từ năm 2019 đến nay, trường tạo điều kiện cho 01 CBQL và 03 GV học thạc sỹ, 04 GV học lớp Trung cấp lý luận chính trị, quản lý cấp phòng. Tuy nhiên số lượng CBQL, GV có trình độ trên chuẩn chưa cao (07/72) [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CB,GV,NV nhà trường được quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. 100% đạt chuẩn và có 07 CBQL,GV trên chuẩn về trình độ.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ CBQL, GV có trình độ trên chuẩn còn ít so với quy mô phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Nhà trường phối hợp với Công đoàn động viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV tham gia các lớp đào tạo trên chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, cụ thể thực hiện đúng kế hoạch giáo dục năm học theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT Lâm Đồng [H1-1.1-06].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ

chuyên môn đã xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy của GV và thực hiện có hiệu quả [H1-1.1-06]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

Định kỳ theo từng học kỳ, năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục để phù hợp với thực tế. Công tác rà soát, đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện các kế hoạch đã đưa ra được tiến hành thông qua các cuộc họp Hội đồng trường, hội đồng liên tịch, cuộc họp các tổ bộ môn [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục. Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ của GV... Tuy nhiên, việc sơ kết, tổng kết một số hoạt động giáo dục của nhà trường đôi lúc chưa kịp thời, chưa đầy đủ. Đội ngũ làm công tác kiểm tra còn thiếu kinh nghiệm [H1-1.1-05]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-05].

Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường đều được thực hiện theo đúng qui định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 19/06/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng; Hướng dẫn số 1146/SGDDĐT-GDTrH ngày 01/7/2020 của Sở GDĐT Lâm Đồng. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm trong nhà trường và trình Sở GDĐT phê duyệt, đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động dạy thêm học thêm. Tuy nhiên, hoạt động dạy thêm và học thêm trong nhà trường chưa thu hút nhiều HS tham gia [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

Công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường đảm bảo theo quy định. Trường không có CBQL, GV vi phạm các quy định về dạy thêm học thêm.

3. Điểm yếu

Đội ngũ làm công tác kiểm tra còn thiếu kinh nghiệm.

Hoạt động dạy thêm và học thêm trong nhà trường chưa thu hút nhiều HS tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, HT tham mưu với Thanh tra Sở GDĐT Lâm Đồng tổ chức đăng ký tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ trường học góp phần nâng cao năng lực nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho đội ngũ CBQL, GV đồng thời tổ chức các buổi tập huấn tại đơn vị để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra nội bộ trường học.

Khuyến khích động viên các giáo viên có năng lực chuyên môn tốt tham gia dạy thêm, đồng thời thường xuyên kiểm tra kế hoạch bài dạy, dự giờ thăm lớp... nhằm thu hút HS tích cực tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường dưới

nhều hình thức như: thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ công đoàn, họp hội đồng sư phạm nhà trường, qua Hội nghị Cán bộ - Viên chức. Tất cả các nội quy cơ quan, qui định về chuyên môn, quy chế chi tiêu nội bộ, QCDC, kế hoạch năm học,... đều được công khai đến toàn thể CBQL,GV,NV [H1-1.1-05]; [H1-1.7-05]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-05].

Nhà trường xây dựng nội quy tiếp công dân, có 02 hòm thư góp ý để thu thập, lắng nghe và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của HS, CMHS và nhân dân. Trong những năm qua, nhà trường không nhận bất kỳ một đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB,GV,NV và CMHS đối với các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

Việc thực hiện QCDC cơ sở hằng năm được đảm bảo và có báo cáo theo quy định. Báo cáo việc triển khai thực hiện QCDC cơ sở của nhà trường đã có sự đánh giá khái quát, khách quan, cụ thể về tình hình đặc điểm nhà trường, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kết quả thực hiện, những hạn chế về nguyên nhân, đồng thời xây dựng phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho thời gian tiếp theo. Báo cáo việc triển khai thực hiện QCDC cơ sở được nhà trường gửi về Sở GDĐT Lâm Đồng đúng thời gian theo quy định [H1-1.1-02]; [H1-1.9-05].

Mức 2:

Nhà trường đã phối hợp với Công đoàn, chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân theo dõi, giám sát việc thực hiện QCDC. Nhà trường thực hiện tốt quy định 3 công khai, luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách, quyền lợi ích của CB, GV, NV và HS. Hằng năm, phối hợp với Công đoàn nhà trường tổ chức đối thoại định kỳ với CBQL,GV,NV nhằm góp ý xây dựng nhà trường. Đại diện Ban Thanh tra nhân dân báo cáo tổng kết công tác giám sát việc thực hiện QCDC ở Hội nghị Cán bộ - Viên chức hằng năm. Tuy nhiên, một số ít GV,NV còn chưa dành nhiều thời gian cho nghiên cứu các văn bản liên quan nên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-05]; [H1-1.9-01], [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng và thực quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả góp phần xây dựng khối đoàn đoàn kết nội bộ; hằng năm tổ chức công khai các kế hoạch và tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách bảo đảm lợi ích của người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt quy định 3 công khai, luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách, quyền lợi ích của CB, GV, NV và HS.

Hằng năm, phối hợp với Công đoàn nhà trường tổ chức đối thoại định kỳ với CBQL, GV, NV nhằm góp ý xây dựng nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên trong trường chưa mạnh dạn trong việc trình bày quan điểm cá nhân khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Cấp ủy, Chi bộ, lãnh đạo nhà trường tiếp tục phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành và các kế hoạch, nội quy, quy định của nhà trường đến CBQL, GV, NV; xây dựng môi trường sư phạm, thân thiện, nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc tham gia ý kiến đóng góp xây dựng các kế hoạch giáo dục của nhà trường có hiệu quả; triển khai đa dạng các hình thức lấy ý kiến góp ý trực tiếp, gián tiếp, qua hộp thư góp ý, email, zalo, phiếu khảo sát... nhằm phát huy việc thực hiện dân chủ cơ sở tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực

nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống, thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy, kế hoạch phòng chống dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe cho HS, kế hoạch thực hiện an ninh trật tự trường học, ATGT, phòng chống ma túy và bạo lực học đường, kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích đuối nước. Căn tin của trường có giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện đúng cam kết với nhà trường về hoạt động căn tin [H1-1.1-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Nhà trường có 02 hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng và thường xuyên liên hệ với Công an thị trấn Di Linh, Tổ An ninh tổ dân phố 9 để tiếp nhận, xử lý thông tin của người dân; đồng thời chỉ đạo Tổ bảo vệ, Ban nề nếp trực nghiêm túc, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa tình trạng bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03].

Nhà trường rất chú trọng công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, phổ biến kiến thức về bình đẳng giới cho HS. Tất cả HS luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng. Trong những năm qua, nhà trường không có các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm bạo lực học đường, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-02]; [H1-1.3-04]; [H1-1.10-04].

Mức 2:

Thông qua các buổi họp Hội đồng giáo dục, chào cờ đầu tuần, Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho toàn thể CB, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Phối hợp với Công an huyện Di Linh xây dựng thành công mô hình “Lớp học tự quản” phòng, chống vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HS chưa có ý thức tốt trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh [H1-1.1-02]; [H1-1.3-04]; [H1-1.10-01].

Thông qua việc nắm bắt, xử lý các thông tin từ Ban nề nếp, Tổ bảo vệ, GV chủ nhiệm và nhân dân, nhà trường đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời các trường hợp HS gây gổ mất đoàn kết, các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh trật tự của nhà trường. Tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh còn vi phạm ATGT, còn tụ tập trước hàng quán gần sát khu vực trường dễ gây mất an ninh trật tự [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt phổ biến, hướng dẫn cho toàn thể CB, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ

sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Trong suốt nhiều năm qua nhà trường không xảy ra hiện tượng cháy nổ, vi phạm về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Một số ít HS chưa có ý thức tốt trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Một số ít học sinh còn vi phạm ATGT.

Vẫn còn một số ít học sinh còn tụ tập trước hàng quán gần sát khu vực trường dễ gây mất an ninh trật tự.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhà trường, tổ chức các chuyên đề, ngoại khóa giáo dục giới tính cho học sinh, giáo dục đạo đức cho học sinh không để xảy ra các hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh.

Phối hợp với công an thị trấn Di Linh, Tổ an ninh tổ 9 làm việc với các hộ kinh doanh gần trường cam kết không cho học sinh gửi xe, tụ tập gây mất an ninh trật tự.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

* Điểm mạnh nổi bật:

Hội đồng trường và các Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng nâng lương... hoạt động có hiệu quả, tham mưu cho HT quyết định về công tác thi đua – khen thưởng, xem xét xử lý kỷ luật HS, nâng lương theo niên hạn và trước niên hạn đối với CB,GV,NV góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Chi bộ Đảng có đông đảng viên, tổ chức và hoạt động hiệu quả được Huyện ủy huyện Di Linh đánh giá cao. Các tổ chức đoàn thể đã thể hiện tốt vai trò tham mưu và tổ chức các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng của giáo dục của nhà trường.

Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động, thu hút đông đảo đoàn viên tham gia. CBQL có đầy đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định. Đội ngũ nhà trường còn trẻ, nhiệt tình, tâm huyết và yêu nghề. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động và công tác giáo dục trong nhà trường. Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn, chuyên đề ngoại khóa góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Trường có đủ các khối lớp từ lớp 10 đến lớp 12. Sĩ số HS trong lớp theo quy định bình quân 39,26 HS/lớp. Hồ sơ của nhà trường có đủ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Công tác quản lý hồ sơ, văn bản được thực hiện thường xuyên. Đội ngũ CB,GV,NV nhà trường được quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, 100% đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ. Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Công tác an ninh trật tự, an toàn cho CB,GV,NV và HS được đảm bảo.

Nhà trường đã phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản quy định đối với CB,GV,NV và HS, thực hiện hiệu quả các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy và học các môn học, hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường và các hoạt động giáo dục khác theo quy định của Bộ GDĐT.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng trên chuẩn cho CBQL và GV. Thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện lành mạnh. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống bạo lực và các tệ nạn xã hội luôn được nhà trường đề cao và thực hiện tốt. Công tác thi đua khen thưởng - kỷ luật được triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm động viên, khích lệ kịp thời những nhân tố tích cực phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả lao động, giúp những người vi phạm khuyết điểm điều chỉnh hành vi và nỗ lực vươn lên về mọi mặt.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Chưa có sự tham gia ý kiến của CMHS, HS và đại diện chính quyền địa phương về bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường cũng như trong các phiên họp hội đồng trường.

Một số hoạt động của các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có lúc còn mang tính hình thức, chưa có chiều sâu, thiếu sự sáng tạo, ít tầm ảnh hưởng tới cộng đồng.

Một số thời điểm, một số Tổ sinh hoạt chuyên môn còn dành nhiều thời gian cho công tác hành chính, chưa tập trung sâu vào giải quyết các vấn đề chuyên môn. Hiệu quả công tác bồi dưỡng HSG ở một vài bộ môn chưa cao.

Công tác quản lý tài sản, CSVC, thiết bị chưa thực sự khoa học.

Nguồn kinh phí huy động hàng năm chưa thật sự bền vững.

Tỷ lệ CBQL, GV có trình độ trên chuẩn còn ít so với quy mô phát triển của nhà trường.

Một số giáo viên trong trường chưa mạnh dạn trong việc trình bày quan điểm cá nhân khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Một số ít HS chưa có ý thức tốt trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Một số ít HS vi phạm nội quy trường lớp, vi phạm ATGT, tụ tập trước hàng quán gần sát khu vực trường dễ gây mất an ninh trật tự.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 10; Mức 2: 10; Mức 3: 05

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0 ; Mức 2: 0 ; Mức 3: 01

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường THPT Phan Bội Châu có đội ngũ CB,GV,NV đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn; đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định. Đội ngũ CBQL nhà trường gồm HT và 02 PHT đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý trường học, tích cực, nhiệt tình và có trách nhiệm cao đối với các nhiệm vụ được phân công. 100% CB,GV đạt chuẩn về trình độ đạo tạo, trong đó có 07 CBQL,GV có trình độ Thạc sỹ. Đội ngũ GV năng động, sáng tạo, nhiệt tình, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và giáo dục HS, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới giáo dục trong tình hình hiện nay. Đội ngũ NV,NLĐ gồm 07 người, đảm

bảo chuẩn về trình độ đào tạo; thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. HS của nhà trường chăm ngoan, có ý thức học tập, chấp hành tốt các quy định của nhà trường, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo quy định về độ tuổi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền của người học theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đội ngũ CBQL nhà trường gồm HT, 02 PHT do Giám đốc Sở GDĐT bổ nhiệm. HT và các PHT đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao; có năng lực tổ chức quản lý nhà trường, có sức khỏe đảm bảo công tác [H2-1.7-02]; [H2-2.1-01].

Hàng năm, HT và PHT nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức Đạt trở lên theo Quy định chuẩn HT tại Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT [H2-2.1-01].

HT, PHT được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: nghiệp vụ quản lý tài sản công; công tác thi đua, khen thưởng, công tác triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018... HT, PHT đã hoàn thành lớp học trung cấp lý luận chính trị, lớp quản lý cấp phòng, lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hàng năm. Hiện nay, có 01 PHT đã đăng ký học lớp Thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

Hàng năm, HT và PHT nhà trường đều được đánh giá về Quy định chuẩn HT đúng thời gian, quy trình, thủ tục. Từ năm 2019 đến nay, HT và PHT nhà trường được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt chuẩn HT từ mức khá trở lên theo Quy định chuẩn HT [H2-2.1-01].

HT và PHT đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị, tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chính trị do Huyện ủy Di Linh và các cấp tổ chức [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Trong các năm qua, lãnh đạo nhà trường luôn được tập thể CB,GV,NV trong trường tín nhiệm cao được thể hiện qua các cuộc họp phân loại đảng viên cuối năm, xếp loại chuẩn HT hàng năm [H2-1.7-02]; [H2-2.1-01].

Mức 3:

Từ năm 2019 đến nay, HT, PHT đã được đánh giá đạt mức khá trở lên, trong đó năm học 2019-2020 và năm 2022-2023 HT được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức tốt. Tuy nhiên, năng lực sử dụng ngoại ngữ của HT và Phó HT còn hạn chế, chưa đáp ứng ở mức tốt theo Điều 8, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 17 của Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

HT, PHT đạt chuẩn về trình độ chuyên môn; có nghiệp vụ quản lý giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Được Hội đồng sư phạm nhà trường

tín nhiệm, được cấp trên đánh giá cao; đánh giá chuẩn đạt mức khá trở lên, xếp loại viên chức hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

HT, PHT luôn tiên phong trong đổi mới giảng dạy và giáo dục, sáng tạo trong quản lí nhà trường.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của HT và PHT còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, HT, PHT tiếp tục tự học để nâng cao trình độ ngoại ngữ; tích cực tham gia các diễn đàn giao lưu, hợp tác quốc tế để nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổng số GV của trường năm học 2023-2024 là 69 người, đảm bảo giảng dạy tất cả các bộ môn và thực hiện các hoạt động giáo dục. Các GV đều được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng [H2-1.7-03]; [H2-2.2-01].

100% GV nhà trường đạt chuẩn, có 06 GV vượt chuẩn về trình độ đào tạo. Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; nhiệt tình trách nhiệm trong công tác [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Vào cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức triển khai thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV theo đúng quy trình, quy định. Kết quả 100% GV nhà trường đều đạt chuẩn nghề nghiệp GV từ mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

Từ năm 2019 đến nay, số lượng GV trên chuẩn về trình độ đào tạo ngày càng tăng, đảm bảo yêu cầu đào tạo mũi nhọn của nhà trường. Hiện nay, trường có 06 GV trình độ trên chuẩn. Tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn còn ít so với quy mô của phát triển của nhà trường [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Từ năm 2019 đến nay, 100% GV nhà trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Đội ngũ GV có năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho HS; có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học; thực hiện có hiệu quả kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa

học cho HS. Đội ngũ GV nhà trường chấp hành, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy chế, quy định của ngành và cơ quan. Trong 05 năm liền, nhà trường không có GV bị kỷ luật [H1-1.1.02]; [H2-2.2-05].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường tiến hành đánh giá và công bố kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Từ năm 2019 đến nay, 100% GV nhà trường đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên [H2-2.2-04].

Từ năm 2019 đến nay, đã có GV có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và có đề tài sáng kiến được công nhận (năm 2023 có 10 sáng kiến; năm 2024 có 08 sáng kiến) [H2-2.2.05]; [H2-2.2.06].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV đủ về số lượng, chuẩn về trình độ đào tạo.

100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, không có GV bị kỷ luật.

Phong trào nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh với nhiều báo cáo nghiên cứu KHKT đạt giải cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Số lượng GV có trình độ trên chuẩn còn ít so với quy mô phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho GV tham gia đào tạo các lớp trên chuẩn để nâng cao trình độ chuyên môn. Khuyến khích GV tự bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ, tin học để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

Nhà trường cử GV cốt cán tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về NCKH do cấp trên tổ chức. Cử và giới thiệu GV tăng cường giao lưu chuyên môn, học hỏi đồng nghiệp, sinh hoạt chuyên môn liên trường nhằm nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, trong đó ưu tiên việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chất lượng, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu NV đảm nhiệm các nhiệm vụ do HT phân công. Năm học 2023-2024, nhà trường có 07 NV gồm: 01 kế toán, 01 thư viện, 01 y tế học đường, 01 văn thư kiêm thủ quỹ; 02 bảo vệ, 01 NV phục vụ, trong đó có 03 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111[H1-1.7-03]; [H2-2.3-01];.

Nhà trường có quy chế làm việc, phân công cụ thể công việc phù hợp cho từng nhân viên, bố trí hợp lý thời gian, công việc khoa học, bổ sung một số thiết bị văn phòng cần thiết để giúp từng nhân viên nâng cao hiệu quả công tác [H1-1.7-02]; [H1-1.1-02]; [H2-2.3-04].

Tất cả NV của nhà trường làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn nỗ lực cố gắng trong công việc. Hằng năm, 100% NV nhà trường đều được HT nhà trường đánh giá, xếp loại đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.7-02]; [H2-2.3-02].

Mức 2:

Số lượng, cơ cấu NV đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ do HT phân công và có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập [H1-1.7-03]; [H2-2.3-01];

Đội ngũ NV nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy chế, quy định của ngành và nội quy cơ quan. Trong 05 năm liền, NV của nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, không có NV bị kỷ luật. Năm học 2022-2023, có 02 NV đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 03 NV được Giám đốc Sở GDĐT tặng giấy khen [H1-1.7-02]; [H2-2.3-02].

Mức 3:

Đội ngũ NV, GV kiêm nhiệm của nhà trường đều có trình độ đào tạo phù hợp, về cơ bản đáp ứng được vị trí việc làm, các nhiệm vụ do HT phân công. NV kế toán đạt trình độ Đại học kế toán; NV thư viện đạt trình độ Đại học thư viện; NV văn thư đạt trình độ Đại học Quản trị văn phòng chuyên ngành văn thư lưu trữ; NV y tế trình độ Trung cấp y sỹ đa khoa; NV lao động hợp đồng làm nhiệm vụ bảo vệ; NV lao động hợp đồng phục vụ có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H1-1.1-02]; [H1-1.7-03].

Hằng năm, NV được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm do Sở GDĐT và các cấp tổ chức. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của một số NV như bảo vệ, phục vụ chủ yếu là tự bồi dưỡng, chưa mang tính chuyên nghiệp [H2-2.3-03];[H2-2.3-04];[H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

NV nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, các NV thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các NV được HT đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Đội ngũ NV nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm trong công việc, gắn bó với nhà trường; thân thiện, chu đáo và cẩn thận trong công việc, trong giúp đỡ học sinh, tiếp dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

NV bảo vệ chưa được tập huấn bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường, Tổ trưởng tổ Văn phòng thường xuyên giám sát, nhắc nhở thành viên thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Từ năm 2024-2025, nhà trường chủ động xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ cho NV, đặc biệt là NV bảo vệ. Tạo điều kiện để NV được học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Đề xuất với Công an huyện Di Linh mở lớp tập huấn và trang bị các thiết bị hỗ trợ cho NV bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 đúng theo hướng dẫn của Sở GDĐT Lâm Đồng. HS đầu cấp đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Tất cả HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học. Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức cho HS được học tập Nội quy và hướng dẫn HS thực hiện

đầy đủ nhiệm vụ theo quy định. HS của trường thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, CB và NV của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.1-02].

Nhà trường luôn đảm bảo các quyền của HS theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. HS được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, TDTT của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình, được hưởng chính sách xã hội... [H1-1.1-02]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Nhà trường phát hiện kịp thời và có biện pháp giáo dục phù hợp đối với những HS vi phạm các hành vi không được làm. Phối hợp với Đoàn trường, công an địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật, tư vấn tâm lý cho HS. Những HS vi phạm các hành vi không được làm sau khi được nhà trường xử lý, giáo dục kịp thời đã có nhiều chuyển biến tích cực, biết nhận ra khuyết điểm, có sự cầu tiến, tiến bộ hơn trong học tập và rèn luyện. Tuy nhiên, vẫn còn số ít HS vi phạm nội quy nhà trường về: ngôn ngữ, hành vi, ứng xử, trang phục [H1-1.1-02]; [H1-1.5-03]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Trong 05 năm qua nhà trường luôn chú trọng việc phát hiện và nhân rộng điển hình gương tiên tiến và có khen thưởng kịp thời các HS đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong các cuộc thi văn hóa, TDTT, KHKT cấp tỉnh, ... Hằng năm, những HS có kết quả khá giỏi trong học tập, rèn luyện đều được tuyên dương, khen thưởng vào sơ kết giữa học kì và tổng kết năm học.

Kết quả kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh năm học 2023-2024: Có 28 học sinh đạt giải (01 giải nhất, 04 giải Nhì, 11 giải ba, 12 giải khuyến khích).

Kết quả MOW cấp tỉnh có 07 giải (01 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải tư). Có 02 học sinh tham dự vòng loại quốc gia.

Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh học sinh có 09 giải (04 HC vàng, 02 HC bạc, 03 HC đồng).

Đạt giải khuyến khích cấp tỉnh hội thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp.

Đoàn trường đạt giải ba Hội thi phòng chống tệ nạn xã hội do Tỉnh đoàn tổ chức.

Đạt giải khuyến khích hội thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp năm 2023.

Đạt Giải nhất toàn đoàn Hội thi nét đẹp học đường cấp tỉnh.

Những HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường, góp phần đóng góp tích cực vào thành tích chung của nhà trường trong các năm học được nhà trường tuyên dương, khen thưởng kịp thời [H1-1.1-02]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

HS chăm ngoan, học giỏi, tích cực, sáng tạo, đạt được nhiều giải trong các cuộc thi HS giỏi, đạt nhiều thành tích trong các hoạt động phong trào.

Tỷ lệ HS xếp loại học lực khá giỏi cao, hàng năm đều có HS dự thi và đạt giải trong các kì thi chọn HS giỏi cấp tỉnh đóng góp tích cực vào thành tích chung của nhà trường.

Nhà trường có hình thức tuyên dương, khen thưởng kịp thời để khích lệ tinh thần, tạo động lực phấn đấu cho HS.

3. Điểm yếu

Trong các năm học, vẫn có HS vi phạm nội quy nhà trường về: ngôn ngữ, hành vi, ứng xử, trang phục, ATGT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tăng cường phối hợp với gia đình trong công tác giáo dục HS. Chú trọng công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý cho HS. Chỉ đạo Ban thi đua, GVCN theo dõi, phát hiện và có biện pháp giáo dục kịp thời đối với những học sinh vi phạm về ngôn ngữ giao tiếp, hành vi, ứng xử, trang phục.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với công an thị trấn, các ban ngành, đoàn thể, gia đình tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật, giáo dục về chấp hành trật tự ATGT cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh cơ bản của trường:

HT, PHT đạt chuẩn về trình độ chuyên môn; có nghiệp vụ quản lý giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Được Hội đồng sư phạm nhà trường tín nhiệm, được cấp trên đánh giá cao; đánh giá chuẩn đạt mức khá trở lên, xếp loại viên chức hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

HT, PHT luôn tiên phong trong đổi mới giảng dạy và giáo dục, sáng tạo trong quản lý nhà trường.

Đội ngũ GV đủ số lượng, cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục, 100% đạt trình độ đại học trở lên, tỷ lệ GV trên chuẩn về trình độ đào tạo cao và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

Khả năng hướng dẫn khoa học cho HS của BGH và GV ở mức khá tốt vì thế trong 5 năm qua, nhà trường đều có HS tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật các cấp đạt kết quả cao.

NV nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, các NV thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các NV được HT đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Tỷ lệ HS xếp loại học lực khá giỏi cao, hàng năm đều có HS dự thi và đạt giải trong các kì thi chọn HS giỏi cấp tỉnh.

HS chăm ngoan, học giỏi, tích cực, sáng tạo, đạt được nhiều giải trong các cuộc thi HS giỏi, đạt nhiều thành tích trong các hoạt động phong trào.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Số lượng GV có trình độ trên chuẩn chưa nhiều.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của HT và PHT còn hạn chế.

NV bảo vệ chưa được tập huấn bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ.

Vẫn còn HS vi phạm ATGT.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 4; Mức 2: 4; Mức 3: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2:0; Mức 3:0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

CSVC và thiết bị dạy học là một trong những yêu cầu quan trọng của quá trình hoạt động giáo dục, CSVC có đảm bảo đạt yêu cầu thì hoạt động dạy học mới đạt hiệu quả. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao điều kiện CSVC và không ngừng bổ sung thêm trang thiết bị dạy học, khuôn viên nhà trường được cải tạo đẹp và khang trang hơn nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích 32.749 m². Sân trường được lát gạch. Khuôn viên của nhà trường được bố trí hài hòa, hợp lí, có vườn hoa, tượng đài, có đường đi lối lại được bê tông hóa, có hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh sạch đẹp, an toàn, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Trường có 03 cổng: một cổng chính, 02 cổng phụ, có biển tên trường theo quy định. Cổng trường và hàng rào được xây bằng tường gạch-bê tông cốt thép kiên cố để bảo vệ trường và đảm bảo an ninh trật tự [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Trường có khu sân chơi rộng và bằng phẳng với diện tích 9.320 m². Hệ thống bãi tập bao gồm sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng rổ, nhà đa năng... đảm bảo an toàn cho HS, đáp ứng cơ bản việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Các thiết bị phục vụ học tập TDTT, học tập bộ môn giáo dục quốc phòng của HS được trang bị đầy đủ theo quy định [H1-1.6-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi bãi tập của nhà trường có đầy đủ các sân bóng chuyền, bóng đá cỏ nhân tạo, bóng rổ, sân tập thể dục, nhà đa năng..., đáp ứng tốt cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, việc bố trí hệ thống sân chơi, bãi tập chưa thật khoa học. Nhà trường chưa có hồ bơi để phục vụ công tác dạy bơi an toàn cho HS. Nhà đa năng chưa được bàn giao để đưa vào sử dụng phục vụ học tập [H1-1.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường có diện tích bình quân 27m² trên/HS, vượt 21m² so với quy định. Diện tích khu sân chơi bãi tập của nhà trường có diện tích 9.320m², chiếm 28,4% tổng diện tích sử dụng của nhà trường, vượt 3,4% so với quy định [H1-1.1-02]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định Điều lệ trường trung học. Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt hơn 27m²/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường có diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Cảnh quan sư phạm luôn được tôn tạo, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Diện tích các khu bãi tập như sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông đáp ứng tốt các hoạt động dạy và học bộ môn giáo dục thể chất cũng như tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3. Điểm yếu

Hệ thống sân chơi, bãi tập được bố trí chưa khoa học.

Nhà đa năng chưa được bàn giao để đưa vào sử dụng phục vụ học tập.

Chưa có hồ bơi để dạy bơi cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tham mưu đề xuất Sở GDĐT Lâm Đồng bổ sung kinh phí; đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hoá giáo dục để cải tạo lại hệ thống sân thể dục, xây dựng hồ bơi để dạy bơi an toàn cho HS.

Đôn đốc nhà thầu khẩn trương hoàn thành các hạng mục nhà đa năng để bàn giao sớm đưa vào sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 20 phòng học, có đủ bàn ghế. Bàn ghế 02 chỗ ngồi, phù hợp với tầm vóc HS THPT; có đủ bàn ghế của GV, bảng viết chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo cho dạy học hai ca trong một ngày [H1-1.6-02]; [H3-3.1-03].

Nhà trường có 06 phòng bộ môn gồm: 03 phòng thực hành Lý-Hóa-Sinh, 2 phòng Tin học với số lượng 74 máy và 01 phòng Nghe nhìn [H3-3.1-03].

Nhà trường có 01 phòng Đoàn thanh niên-phòng truyền thống với diện tích 27m², 01 phòng thư viện với diện tích 104m², đảm bảo cho hoạt động đoàn và việc đọc sách của GV và HS [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

Phòng học, phòng bộ môn bộ môn được thiết kế và trang bị các thiết bị dạy học theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật hòa nhập [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

Khôi phục vụ học tập có 20 phòng, được trang bị bàn ghế, bảng, máy chiếu, ti vi, loa bluetooth..., đáp ứng yêu cầu các hoạt động dạy học của nhà trường và theo quy định của Bộ GDĐT [H1-1.6-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Phòng học, phòng bộ môn có đủ các thiết bị dạy học: Các phòng học đều có trang bị máy chiếu và bảng viết; phòng bộ môn có các thiết bị theo từng bộ môn và có

tử để đựng các thiết bị để phục vụ thí nghiệm thực hành. Phòng tin học được trang bị máy tính kết nối internet tốc độ cao, các máy được kết nối với máy chủ. Tuy nhiên, Một số thiết bị phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin và thí nghiệm thực hành xuống cấp theo thời gian. Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt [H1-1.6-02]; [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Tất cả các phòng học, phòng bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ GDĐT quy định, đáp ứng cho nhu cầu dạy và học.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin và thí nghiệm thực hành xuống cấp theo thời gian.

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tham mưu đề xuất Sở GDĐT trang bị mua sắm Tivi màn hình rộng để thay thế các máy chiếu đã hỏng ở dãy phòng học. Bố trí 01 phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường gồm 01 phòng HT; 02 phòng PHT; 01 phòng làm việc của kế toán; 01 phòng văn thư - thủ quỹ; 01 phòng Y tế; 01 văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh- truyền thông; 01 phòng GV; 01 hội trường; đáp ứng được yêu cầu hoạt động của nhà trường. Phòng bảo vệ có 01 phòng đặt ngay cổng trường, có vị trí quan sát thuận lợi [H3-3.1-02].

Nhà trường có 01 nhà để xe cho GV, 02 nhà để xe cho HS. Khu để xe của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01].

Định kỳ hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị, máy tính phục vụ cho khối hành chính quản trị [H1-1.6-02]; [H3-3.3-02].

Mức 2:

Tất cả các phòng hành chính quản trị được thiết kế khoa học, hợp lý theo đúng quy định [H1-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị âm thanh... Các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ tốt cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường, tuy nhiên vẫn còn một số thiết bị chất lượng chưa đảm bảo, còn hay bị hư hỏng [H1-1.6-02]; [H3-3.3-02]; [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính quản trị được thiết kế đúng quy định, có đủ các thiết bị tối thiểu phục vụ cho các hoạt động quản trị hành chính nhà trường.

Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị chất lượng chưa đảm bảo, còn hay bị hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường đề xuất Sở GDĐT Lâm Đồng bố trí nguồn kinh phí để mua sắm các thiết bị mới để thay thế các thiết bị hư hỏng phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có nhà vệ sinh riêng cho GV: Nam 02 phòng, Nữ 04 phòng đặt ở bên hông phía sau khu hành chính; khu vệ sinh HS: Nam có 06 phòng, Nữ có 16 phòng đặt ở phía sau dãy phòng học, Các khu vệ sinh được đặt ở vị trí thuận tiện, đảm bảo an toàn, sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-03].

Nhà trường có hệ thống thoát nước xung quanh các dãy phòng học, khu vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường. Nguồn nước sạch của nhà trường, nước uống cho GV và

HS đạt yêu cầu chất lượng, được cung cấp bởi Nhà máy nước Di Linh và Công ty TNHH nước uống Good đóng ở thành phố Bảo Lộc [H3-3.1-03]; [H3-3.4-02].

Để đảm bảo vệ sinh môi trường, nhà trường đã hợp đồng với Trung tâm khai thác công trình công cộng huyện Di Linh để lấy và xử lý rác, đảm bảo vệ sinh an toàn. Mỗi tuần 02 đợt lấy rác; đồng thời bố trí 20 thùng rác để bên ngoài, trước dãy hành lang và bên trong mỗi phòng học, phòng chức năng 01 thùng rác nhỏ, đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Khu nhà vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV và HS được bố trí xây dựng nơi thuận tiện, phù hợp với cảnh quan sư phạm và thuận lợi; có hệ thống nước sạch, xà bông diệt khuẩn, chậu rửa tay cho CBQL, GV, NV và HS sử dụng. Các khu vệ sinh được làm vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Hệ thống thoát nước không bị ứ đọng, sử dụng nước máy của nhà máy nước Di Linh đặt ở trước dãy phòng học, có một máy bơm để tưới nước vườn hoa, khu vệ sinh. GV, HS sử dụng nước uống của công ty TNHH nước uống Good đóng tại thành phố Bảo Lộc. Rác thải của trường được phân loại kĩ và được công trình đô thị gom đi xử lý vào thứ 4, thứ 7 hàng tuần. Địa điểm thu gom rác thải cách khu học tập, hành chính 70m. Tuy nhiên do trường đóng trên địa hình đồi tương đối cao nên nhiều lúc áp lực nước máy yếu, không thể sử dụng cùng lúc nhiều vòi. Địa điểm tập trung thu gom rác gần cổng chính của trường gây mất mỹ quan [H1-1.1-02]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Khu nhà vệ sinh nhà trường được bố trí xây dựng nơi thuận tiện, phù hợp với cảnh quan sư phạm và thuận lợi và được làm vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ.

Nguồn nước sinh hoạt, nước uống của nhà trường đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy định của Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Do trường đóng trên địa hình cao nên áp lực nước máy yếu, không thể sử dụng cùng lúc nhiều vòi.

Địa điểm tập kết rác phía trước cổng chính của trường gây mất mỹ quan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, lên kế hoạch xây dựng bồn chứa nước có dung lượng lớn để phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Bố trí lại khu tập kết rác thải hợp lý, mỹ quan hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ trang thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường như: máy in, máy photocopy-scan, máy in, ti vi, máy chiếu. Lắp đặt hệ thống wifi cho các dãy phòng học, phòng quản trị hành chính. Toàn bộ máy tính

của trường có kết nối mạng internet để phục vụ công tác ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học [H1-1.6-02]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định như các bộ thiết bị dạy học bộ môn; máy tính, máy chiếu, ti vi cho các phòng học. Thiết bị thí nghiệm, hoá chất được trang bị khá đầy đủ bảo đảm điều kiện tối thiểu cho thí nghiệm thực hành các môn học [H1-1.1-02]; [H3-3.2-01]; [H3-3.5-01]; [H3-3.5-03].

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị và được cập nhật đầy đủ vào sổ quản lý tài sản [H1-1.6-02]; [H3-3.2-01]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường có 02 phòng Tin học với 74 máy; bộ phận văn thư, kế toán, y tế đều được trang bị máy tính riêng bộ phận thư viện trang bị thêm 10 máy vi tính để GV, HS tra cứu thông tin phục vụ giảng dạy. Toàn bộ hệ thống máy tính của nhà trường đều được kết nối mạng internet để phục vụ công tác quản lý, dạy học và ứng dụng CNTT [H1-1.6-02]; [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

Các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng và các bộ môn đều có đủ thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT [H1-1.6-02]; [H3-3.2-01].

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung và tự làm các thiết bị, đồ dùng dạy học [H3-3.5-03].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; tuy nhiên một số thiết bị dạy học đã khá lâu nên chất lượng sử dụng thiếu độ chính xác, thiết bị, đồ dùng dạy học chương trình GDPT 2018 chưa cung ứng kịp thời [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Các phòng học, phòng bộ môn có đủ các thiết bị theo quy định; đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo đủ số lượng theo danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị dạy học đã khá lâu nên chất lượng sử dụng thiếu độ chính xác, thiết bị, đồ dùng dạy học chương trình GDPT 2018 chưa cung ứng kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tham mưu đề xuất Sở GDĐT cấp thêm các thiết bị dạy học để thay thế các thiết bị đã cũ, thiếu đồng bộ; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hoá để mua sắm bổ sung thiết bị phục vụ chương trình GDPT 2018.

Tiếp tục phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, bám sát yêu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng hoạt động dạy học chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện được trang bị 3280 đầu sách giáo khoa, 4228 đầu sách tham khảo, 150 sách pháp luật, 07 đầu báo cùng bản đồ, tranh ảnh giáo dục,... để phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Tuy nhiên số đầu sách tham khảo, như sách giáo dục đạo đức, pháp luật còn ít so với nhu cầu nghiên cứu, học tập của CB,GV,NV và HS [H1-1.6-02]; [H3-3.6-01].

Nhà trường biên chế một NV thư viện trực 05 ngày trong tuần để CB,GV và HS mượn sách, đọc sách báo và truy cập internet. Thư viện có kế hoạch hoạt động năm học, kế hoạch tháng; có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định... Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của CB,GV,HS. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được thư viện điện tử đúng chuẩn [H3-3.6-01].

Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H1-1.1-02]; [H3-3.6-02];.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường được xây dựng với tổng diện tích 104m² gồm có phòng đọc, phòng sách, tài liệu... được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu, trang bị 10 máy vi tính kết nối internet phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 3:

Thư viện đạt danh hiệu thư viện trường học tiên tiến. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối mạng internet để phục vụ cho việc nghiên cứu, dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ điều kiện về CSVC, vị trí thuận lợi có phòng đọc cho giáo viên và học sinh.

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

Việc trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối internet giúp tra cứu, cập nhật thông tin nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao công tác nghiên cứu và học tập của CBQL, GV, NV và HS.

Thư viện của nhà trường đã được công nhận đạt danh hiệu Thư viện trường học tiên tiến.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo, như sách giáo dục đạo đức, pháp luật còn ít so với nhu cầu nghiên cứu, học tập của CB, GV, NV và HS.

Chưa xây dựng được thư viện điện tử đúng chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường chỉ đạo bộ phận thư viện xây dựng kế hoạch mua sắm thêm sách tham khảo, sách giáo dục đạo đức, pháp luật để phục vụ thực hiện tốt chương trình GDPT 2018. Có lộ trình xây dựng được thư viện điện tử trong các năm tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh cơ bản của trường:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định Điều lệ trường trung học. Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường có diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Cảnh quan sư phạm luôn được tôn tạo, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Có đủ phòng học, đầy đủ ánh sáng phục vụ tốt cho việc dạy và học. Có đủ phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành được trang bị khá đầy đủ.

Khởi hành chính, quản trị của nhà trường được đầu tư xây dựng kiên cố. Các thiết bị văn phòng được nhà trường mua sắm và cung ứng đầy đủ; 100% máy tính được kết nối internet tạo điều kiện cho CB, GV, NV và HS thực hiện tốt công tác quản lý và thực hiện các hoạt động giáo dục.

Hệ thống nhà vệ sinh đầy đủ, bố trí phù hợp, thuận lợi cho việc sử dụng. Nhà trường có hệ thống thoát nước, đảm bảo thoát nước trong mùa mưa không bị ứ đọng. Việc thu gom và xử lý rác thải được thực hiện 2 lần/tuần.

Nhà trường được trang bị đủ thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị dạy học được mua sắm, bổ sung hằng năm. Việc khai thác sử dụng, bảo quản trang thiết bị được thực hiện khá tốt góp phần nâng cao hiệu quả dạy học của nhà trường.

Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ – Bộ GDĐT, bước đầu đảm bảo đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cơ bản, các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ kịp thời được nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBQL, GV, NV và HS.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Nhà đa năng chưa được bàn giao để đưa vào sử dụng phục vụ học tập.

Chưa có hồ bơi để dạy bơi cho HS.

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt.

Một số thiết bị văn phòng chất lượng chưa đảm bảo, còn hay bị hư hỏng. Một số thiết bị phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin và thí nghiệm thực hành xuống cấp theo thời gian.

Trường đóng trên địa hình cao nên áp lực nước máy yếu, không thể sử dụng cùng lúc nhiều vòi.

Địa điểm tập kết rác phía trước cổng chính của trường gây mất mỹ quan.

Một số thiết bị dạy học đã khá lâu nên chất lượng sử dụng thiếu độ chính xác, thiết bị, đồ dùng dạy học chương trình GDPT 2018 chưa cung ứng kịp thời.

Số đầu sách tham khảo, như sách giáo dục đạo đức, pháp luật còn ít so với nhu cầu nghiên cứu, học tập của CB, GV, NV và HS.

Chưa xây dựng được thư viện điện tử đúng chuẩn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 6; Mức 2: 6; Mức 3:4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3:0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Với mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS; nhà trường đã chú trọng nâng cao và phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác quản lí, giáo dục HS. Trong những năm qua trường THPT Phan Bội Châu luôn coi việc tăng cường, phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, CMHS và cộng đồng xã hội để cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Ban đại diện CMHS của lớp gồm: 03 ủy viên; trường gồm: 03 ủy viên do CMHS của các lớp cử. Công tác xây dựng tổ chức, nguyên tắc hoạt động, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm

của Ban đại diện CMHS được thực hiện theo đúng Quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Điều lệ hoạt động của Ban đại diện CMHS và tại Điều lệ trường trung học. Mỗi thành viên trong Ban đại diện CMHS đều được phân công phụ trách theo dõi một địa bàn dân cư, khối lớp. Đầu năm học, nhà trường tiến hành họp ban đại diện CMHS theo lớp, trường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-04].

Sau khi được thành lập, Ban đại diện CMHS đã ban hành Nghị quyết, xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các thành viên trong Ban đại diện CMHS. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Trong các năm học, Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng tiến độ, đúng Điều lệ. Kết quả thực hiện Nghị quyết hội nghị CMHS đạt được các mục tiêu đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục nhà trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Hàng năm, Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS hoạt động. Lãnh đạo nhà trường cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu, thông tin về HS, số điện thoại CB, GV để CMHS biết cùng phối hợp thực hiện theo nội dung đã được thống nhất trong các cuộc họp Ban đại diện CMHS đầu năm học. Ban đại diện CMHS tư vấn về các biện pháp giáo dục HS ở nhà; phụ đạo HS yếu. Nhà trường và Ban đại diện CMHS thường xuyên thông tin liên lạc với từng CMHS để hỗ trợ giáo dục, khắc phục tình trạng HS nghỉ học dài ngày, vận động HS bỏ học trở lại trường. Ban đại diện CMHS đã hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách, giáo dục HS thông qua các cuộc họp. Tuy nhiên, do công việc gia đình, mùa màng bận rộn nên một số thành viên Ban đại diện CMHS lớp tham gia các cuộc họp chưa đầy đủ, nắm bắt các chủ trương, kế hoạch của nhà trường chưa kịp thời, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác phối hợp giữa gia đình với nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân; đặc biệt là từ CMHS để khen thưởng học sinh giỏi, HS có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn. Các thành viên Ban đại diện CMHS quan tâm chú trọng đến hoạt động giáo dục của nhà trường, nhiệt tình, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý kiến đóng góp tích cực vào việc xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H4-4.1-05].

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục khác. Tuy nhiên một số gia đình điều kiện kinh tế còn khó khăn nên chưa quan tâm sát sao đến việc học tập, rèn luyện của con em mình nên việc phối hợp với nhà trường chưa thường xuyên [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Ban đại diện Hội CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS; có Nghị quyết, báo cáo tổng kết cụ thể rõ ràng, công tác phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và tổ chức các hoạt động giáo dục HS; tuyên truyền vận động HS bỏ học tiếp tục đi học; động viên, khuyến khích những HS có hoàn cảnh khó khăn trong học tập được duy trì thường xuyên, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS của một số lớp hoạt động chưa đều tay, một số gia đình điều kiện kinh tế còn khó khăn nên chưa quan tâm sát sao đến việc học tập, rèn luyện của con em mình, việc phối hợp với nhà trường chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Nhà trường xây dựng Quy chế phối hợp với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh. Ban đại diện CMHS của trường và của lớp thực hiện chặt chẽ hơn nữa trong việc thực hiện các kế hoạch đề ra để đạt được hiệu quả cao hơn. Căn cứ tình hình thực tế của mỗi lớp, GVCN bố trí thời gian họp lý để gặp gỡ trực tiếp hoặc điện thoại trao đổi với CMHS thường xuyên để bàn và thống

nhất cách phối hợp trong giáo dục HS; thường xuyên trao đổi về tình hình của HS cho CMHS biết, nhằm giúp CMHS có trách nhiệm, quan tâm hơn đến con em mình.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp nhằm xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh. Tham

muu với Huyện ủy để phát triển Đảng viên hàng năm. Tham mưu, phối hợp với UBND, công an huyện Di Linh để đảm bảo ATGT, kịp thời xử lý khi có các hiện tượng mất an ninh trật tự trong và ngoài trường học, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-07].

Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,... Lễ khai giảng năm học mới, lễ sơ kết học kỳ I, tổng kết và phát thưởng cuối năm của nhà trường đều có Ban đại diện CMHS và các cá nhân, tổ chức về tham dự. Tại hội nghị Cán bộ - Viên chức, Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đại hội Công đoàn đều có sự hiện diện của Ban đại diện CMHS và lãnh đạo các cấp. Nhà trường phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường như: Công Đoàn, Đoàn trường, các tổ chuyên môn và các tổ chức chính trị xã hội ngoài nhà trường như: Huyện Đoàn, Hội cựu chiến binh huyện, Công An huyện để tổ chức các hoạt động giao lưu với nhiều nội dung thiết thực nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như: Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12; tọa đàm ngày 20/11, 08/03; hội trại nhân ngày 26/3... Những hoạt động trên gây ấn tượng tốt đẹp đối với CB, GV, NV và có ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc đối với Đoàn viên thanh niên, HS toàn trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-07].

Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân; đặc biệt là từ CMHS để khen thưởng học sinh giỏi, HS có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.1-02]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường đều thực hiện tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06].

Phối hợp với Huyện đoàn Di Linh, Công an huyện Di Linh, Trung tâm văn hóa... để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ

thuật, TĐTT và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với Huyện ủy, Ủy ban huyện Di Linh và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để nâng cao CLGD toàn diện cho HS góp phần xây dựng nhà trường trở thành ngôi trường có chất lượng hiệu quả, có uy tín về GDĐT... trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong các năm qua nhà trường đều được công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”. Tuy nhiên, việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế so với thực tế nhu cầu của giáo dục trong nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Công tác phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị đã được duy trì thường xuyên; hoạt động tham quan học tập, tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc cho HS được nhà trường chú trọng. Nhà trường tổ chức thường xuyên nhiều hoạt động có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Hướng các em đến với những giá trị truyền thống văn hóa lịch sử của dân tộc, giúp HS năng động, sáng tạo hơn, rèn luyện kỹ năng sống tốt hơn.

Nhà trường sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện từ các tổ chức cá nhân, tập thể trong việc hỗ trợ HS nghèo, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh đạt giải các cuộc thi.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế so với thực tế nhu cầu của giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, lãnh đạo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch phối hợp thường xuyên hơn, đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục; tiếp tục huy động các nguồn lực để xây

dựng nhà trường ngày càng phát triển. Chủ động tổ chức các hoạt động phong trào thể thao để giao lưu giữa các đơn vị, các đoàn thể ở địa phương để tạo mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và địa phương, để có thể vận động được nhiều nguồn lực hơn nữa để hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh cơ bản của trường:

Hằng năm, Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ; có Nghị quyết hoạt động cụ thể rõ ràng; công tác phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và tổ chức các hoạt động giáo dục HS; tuyên truyền vận động HS bỏ học tiếp tục đi học; động viên, khuyến khích những HS có hoàn cảnh khó khăn trong học tập được duy trì thường xuyên, hiệu quả.

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân để cùng xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương.

Nhà trường luôn sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện từ các tổ chức cá nhân, tập thể trong việc hỗ trợ HS nghèo, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh đạt giải các cuộc thi.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Ban đại diện CMHS của một số lớp hoạt động chưa đều tay, một số gia đình điều kiện kinh tế còn khó khăn nên chưa quan tâm sát sao đến việc học tập, rèn luyện của con em mình, việc phối hợp với nhà trường chưa thường xuyên.

Việc huy động các nguồn lực còn hạn chế so với thực tế nhu cầu hỗ trợ giáo dục trong nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 2; Mức 2: 2; Mức 3: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong những năm qua, Trường THPT Phan Bội Châu thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GDĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương đã trở thành kỷ cương, nền nếp. Trường đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động NGLL, giáo dục pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục kỹ năng sống cho HS. Trong hoạt động chuyên môn, việc đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề cốt lõi, trọng tâm để nâng cao chất lượng dạy học. Vì vậy, từ năm 2019 đến nay CLGD của nhà trường ngày được nâng cao, nhiều HS đạt giải cao trong các kì thi HS giỏi, KHKT do các cấp tổ chức.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường tổ chức xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT Lâm Đồng. Việc dạy học các môn học và hoạt động giáo dục được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra. Định kì, kế hoạch giáo dục các môn học của tổ, nhóm chuyên môn được rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Nhà trường hướng dẫn chỉ đạo GV vận dụng có hiệu quả các phương pháp kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với từng đối tượng HS và điều kiện thực tế nhà trường; Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Công tác kiểm tra, đánh giá HS được thực hiện bằng các hình thức đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT đối với lớp 12, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT đối với lớp 10,11. Các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, cuối kỳ, cuối năm học được thống nhất trong tổ, nhóm chuyên môn. Các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng ma trận đề kiểm tra, tài liệu ôn tập theo định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của Bộ GDĐT, kết hợp hình thức kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan [H1-1.1-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

Các tổ chuyên môn, GV đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Công tác bồi dưỡng HSG, năng khiếu được thực hiện hàng năm, các tổ chuyên môn phát hiện nguồn và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo quy định. Trong những năm học qua, nhà trường đều có HS tham gia và đạt giải cao trong các kỳ thi sinh giỏi cấp tỉnh; thi KHKT, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao GDQP cấp tỉnh, cuộc thi vô địch Tin học văn phòng thế giới cấp quốc gia. Định kì, GV đánh giá chất lượng học tập của HS làm căn cứ đề xuất nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phụ đạo cho HS yếu. Tuy nhiên, công tác phụ đạo HS yếu kém chưa có giải pháp tốt, nên tỉ lệ HS yếu hàng năm vẫn còn cao; chất lượng học sinh giỏi cấp tỉnh còn thấp [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hàng năm, qua báo cáo tổng kết, phân tích số liệu thống kê nhà trường đã chú ý rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS. Tuy nhiên, một số năm gần đây, chất lượng tốt nghiệp THPT của một số môn học Khoa học xã hội như môn Lịch sử, Giáo dục công dân còn thấp so với mặt bằng tỉnh [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục; các tổ chuyên môn tích cực chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Kết quả công tác bồi dưỡng HS giỏi các cấp luôn được quan tâm và đầu tư, duy trì ổn định, số lượng, chất lượng giải có chuyển biến tích cực qua các năm.

3. Điểm yếu

Công tác phụ đạo HS yếu chưa có giải pháp tốt, nên tỉ lệ HS yếu hàng năm vẫn còn cao.

Chất lượng tốt nghiệp THPT của một số môn học Khoa học xã hội như môn Lịch sử, Giáo dục công dân còn thấp so với mặt bằng tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng HSG và duy trì đều đặn hàng năm, tổ chức chỉ đạo nhân rộng các mô hình HS ưu tú nhằm khích lệ, khuyến khích các HS khác noi gương phấn đấu.

Xây dựng kế hoạch ôn thi tốt nghiệp THPT, phụ đạo hiệu quả thiết thực, sát với đối tượng HS, phối hợp với GVCN, CMHS quan tâm nhiều hơn đến các HS dân tộc thiểu số, các HS có hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào chất lượng học tập của HS, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS có năng khiếu để đào tạo giáo dục mũi nhọn. GVCN, GV bộ môn các lớp tiến hành lập danh sách HS năng khiếu, HS có hoàn cảnh khó

khăn, HS gặp khó khăn để tham mưu cho nhà trường có kế hoạch giáo dục phù hợp thực tế [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.5-03]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Nhà trường tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Những HS giỏi, có năng khiếu được tham gia các lớp bồi dưỡng để tham gia các kỳ thi chọn HS giỏi, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao GDQP-An ninh, tham gia các cuộc thi KHKT, vô địch tin học văn phòng thế giới do các cấp tổ chức. Những HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được tham gia các lớp học phụ đạo, trao học bổng khuyến học của Chi hội khuyến học và các tổ chức, mạnh thường quân [H1-1.1-02]; [H1-1.2-08]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Hàng năm nhà trường thường xuyên rà soát đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.1-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.2-07].

Mức 2:

Nhà trường đã chú trọng chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhằm đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.2-07].

Mức 3:

Trong năm học qua nhà trường có nhiều HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Năm học 2023-2024 trường có 28 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh (01 giải nhất, 04 giải Nhì, 11 giải ba, 12 giải khuyến khích). Kết quả MOW cấp tỉnh có 07 giải (01 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải tư), có 02 học sinh tham dự vòng loại quốc gia. Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh học sinh có 09 giải (04 Huy chương vàng, 02 Huy chương bạc, 03 Huy chương đồng) [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục mũi nhọn, bồi dưỡng HS có năng khiếu và đạt kết quả cao trong các cuộc thi, hội thi do các cấp tổ chức.

Số HS đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp tăng so với năm học trước cả về số lượng và chất lượng.

3. Điểm yếu

Số lượng, chất lượng HS giỏi cấp tỉnh hàng năm ở một số bộ môn khoa học tự nhiên như Vật lý, Hóa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, bổ sung chương trình đào tạo cho HS có năng khiếu đặc biệt; Tạo môi trường thuận lợi nhất để các em phát huy năng khiếu của mình.

Tăng cường công tác phát hiện, bồi dưỡng HS giỏi các môn khoa học tự nhiên Lý, Hóa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

HT nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn Lịch sử, Địa lý thực hiện các nội dung giáo dục địa phương theo Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT, thực hiện đầy đủ các tiết giáo dục địa phương theo phân phối chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT Lâm Đồng. Giáo viên dạy học môn

Lịch sử, Địa lí đã đưa nội dung giáo dục lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, lịch sử Đảng bộ thành phố Bảo Lộc, Dư địa chí Lâm Đồng vào giảng dạy trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ GDĐT.

Từ năm học 2022-2023, thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, bộ phận chuyên môn nhà trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn Giáo dục địa phương tại đơn vị phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và đảm bảo đầy đủ nội dung yêu cầu giáo dục bộ môn [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương của nhà trường đảm bảo khách quan và hiệu quả. Trong mỗi chuyên đề, tiết dạy giáo dục địa phương, GV đã kiểm tra, đánh giá HS thông qua nhiều hình thức đa dạng nhằm đánh giá khả năng tiếp thu, am hiểu, vận dụng của HS [H1-1.1-02]; [H1-1.5-03]; [H2-2.2-07].

Hằng năm, nhà trường cùng các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu nội dung mới về giáo dục địa phương để giảng dạy và thực hiện hiệu quả các chuyên đề, ngoại khóa [H1-1.1-02].

Mức 2:

Dựa trên các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT Lâm Đồng, nhà trường chỉ đạo GV tăng cường lồng ghép các vấn đề thực tiễn vào bài dạy làm tăng tính sinh động và gần gũi của kiến thức lý thuyết với thực tiễn xung quanh. Giáo viên đã tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo một cách phù hợp.

Nhà trường đã đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực của người học; cập nhật những nội dung về lịch sử, địa lí địa phương để giảng dạy cho HS; triển khai chương trình giáo dục địa phương phù hợp đúng theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. Tuy nhiên, tài liệu dành cho giáo dục địa phương còn ít, một số GV chưa nắm được nhiều về kiến thức địa phương. Việc tổ chức tham quan, trải nghiệm thực tế về văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán của các dân tộc của địa phương của nhà trường còn hạn chế [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các tổ chuyên môn, GV bộ môn thực hiện đầy đủ các tiết giáo dục địa phương theo phân phối chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT Lâm Đồng. Giáo viên đã tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo một cách phù hợp.

3. Điểm yếu

Tài liệu phục vụ giảng dạy nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú. Một số GV chưa nắm được nhiều về kiến thức địa phương.

Công tác tổ chức cho HS tham quan, trải nghiệm thực tế về văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán của các dân tộc của địa phương của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên cần vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, đặc biệt là phương pháp dạy học dự án, hướng dẫn HS tự nghiên cứu, tìm hiểu Lịch sử, Địa lý và Văn học địa phương; GV tích cực nghiên cứu, sưu tầm thêm tài liệu giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hoá địa phương để giảng dạy đạt hiệu quả cao hơn.

Từ năm học 2024-2025, nhà trường xây dựng triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa để giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử, đặc điểm địa lý địa phương cho HS, tạo điều kiện để các em HS được trải nghiệm thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT và hướng dẫn về công tác tư vấn hướng nghiệp nghề của Sở GDĐT, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế. Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được nhà trường xây dựng để thực hiện cho HS 03 khối lớp 10, 11, 12 đúng chủ đề, thời lượng, theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT. Từ năm học 2022-2023, thực hiện theo hướng dẫn chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS khối 10, 11 [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Trong các năm học, nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Hàng năm, nhà trường phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp, báo tuổi trẻ, báo thanh niên để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tư vấn hướng nghiệp chọn ngành nghề cho HS khối 12 góp phần định hướng nghề nghiệp cho HS sau khi tốt nghiệp. GV chủ nhiệm thực hiện công tác hướng nghiệp cho HS theo kế hoạch nhà trường đã xây dựng. Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Di Linh tổ chức dạy nghề phổ thông cho HS khối 11 từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023. Tỷ lệ HS tham gia học nghề phổ thông và đỗ nghề đạt 100% [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Nhà trường phân công GV tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS. Ban tư vấn nhà trường tích cực các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng chọn trường, khối thi; dạy các tiết hướng nghiệp hàng tháng; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục NGLL, các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Các hoạt động hướng nghiệp được nhà trường tổ chức bằng các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đối tượng HS nhà trường. Các hoạt động hướng nghiệp được nhà trường triển khai với nhiều hình thức như: Tư vấn hướng nghiệp chọn ngành nghề cho HS khối 12; tổ chức dạy các tiết học giáo dục hướng nghiệp cho HS; lồng ghép hoạt động hướng nghiệp qua các chuyên đề ngoại khóa; tổ chức cho HS tham xem các video hoạt động sản xuất của những nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức cho HS tham quan học tập, trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng sống ở các trường đại học và các cơ sở sản xuất, kinh doanh [H1-1.1-02] ; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.5-03]; [H5-5.4-02].

Hằng năm, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS để bổ sung, điều chỉnh trong kế hoạch phù hợp với thực tế nhà trường [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động hướng nghiệp được nhà trường tổ chức hiệu quả bằng các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đối tượng HS nhà trường.

Hằng năm, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để bổ sung, điều chỉnh trong kế hoạch phù hợp.

3. Điểm yếu

Chưa tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm do các trường đại học tổ chức và tham quan, học tập các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm mục đích tư vấn nghề nghiệp, định hướng nghề cho HS, gắn với thực tiễn địa phương. Liên hệ với các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức khóa trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS lớp 12.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động NGLL, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, tổ chức hoạt động Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc bộ Tiếng Anh, kế hoạch hoạt động giáo dục STEM, hoạt động nghiên cứu KHKT, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao, văn nghệ, nhằm hình thành phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Chú trọng công tác rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho HS trong các tiết ngoại khóa giáo dục NGLL, tiết sinh hoạt dưới cờ [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H5-5.4-01].

Các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kỹ năng sống đã rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS. HS nhà trường đã từng bước thể hiện được năng lực bản thân, chủ động, sáng tạo, linh hoạt vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống và học tập [H1-1.1-02]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01].

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đã giúp HS hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, lối sống, hiểu biết pháp luật và phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Từ đó, các em có niềm tin vào cuộc sống; có những hành vi đạo đức tích cực, trong sáng, thói quen lối sống tốt, đúng với quy định pháp luật, phong tục tập quán, và truyền thống văn hoá dân tộc [H1-1.1-02]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Thông qua quá trình học tập dưới sự hướng dẫn của GV, học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bản thân thông qua các hoạt động trên lớp, hồ sơ học tập, nghiên cứu KHKT, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; bài thuyết trình... [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H5-5.4-01].

Thông qua các hoạt động giáo dục, HS nhà trường từng bước hình thành và phát triển khả năng tự học, biết vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống, học tập [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

HS nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học theo GV hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn. Trong những năm qua, nhà trường có HS tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường, cấp tỉnh (02 giải nhì, 04 giải tư, 01 giải ba và 01 giải khuyến khích). Tuy nhiên, trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL, hướng nghiệp đa dạng và phong phú, thu hút học sinh toàn trường tham gia nhiệt tình và tích cực, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong tổ chức các sự kiện.

Hoạt động hướng dẫn học sinh nghiên cứu sáng tạo KHKT và các cuộc thi thuộc các lĩnh vực khác trong tất cả các năm học đạt được nhiều kết quả tốt.

3. Điểm yếu

Trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục phát động phong trào nghiên cứu, sáng tạo KHKT trong GV và HS. Động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho GV và HS tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật do các cấp tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả xếp loại 02 mặt giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt chỉ tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tỷ lệ HS xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt trên 95%, trong đó số HS xếp loại học lực khá, giỏi: trên 60%; tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt trên 98%, không có HS xếp hạnh kiểm loại yếu. Tỷ lệ HS lớp 11 tốt nghiệp nghề phổ thông hàng năm đạt 100%, trong đó tỷ lệ khá, giỏi trên 99% [H1-1.1-02]; [H1-1.2-08]; [H1-1.5-02].

Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THPT hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ HS lên lớp trên 98%, lên lớp sau khi thi lại đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường; năm 2023,2024 tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đạt 100%. Tỷ lệ HS trúng tuyển vào các trường Cao đẳng, Đại học hàng năm trên 60% [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02].

Nhà trường thực hiện định hướng phân luồng cho HS từ lớp 10; tư vấn HS chọn tổ hợp môn học, ngành nghề, khối thi, tổ hợp bài thi tốt nghiệp THPT, tổ chức ôn tập, luyện thi cho HS khối 12 theo kế hoạch [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Mức 2:

Từ năm 2019 đến nay, kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ HS xếp loại học lực khá, giỏi tăng, tỷ lệ HS xếp loại học lực trung bình, yếu giảm, không có HS xếp học lực loại kém; tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt trên 98%, không có HS xếp hạnh kiểm loại yếu [H1-1.1-02]; [H1-1.2-08].

Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THPT có sự chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp. Tỷ lệ HS lên lớp luôn đạt trên 98%, lên lớp sau khi thi lại trên 99%; tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đạt 100%. Tỷ lệ HS tốt nghiệp nghề phổ thông hàng năm đạt 100%, trong đó tỷ lệ khá, giỏi trên 99% [H5-5.6-02]; [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Tỷ lệ xếp học lực loại giỏi của trường đạt trên 18%; tỷ lệ HS xếp học lực loại khá của trường trung bình trong 05 năm đạt trên 42%; tỷ lệ HS xếp học lực loại yếu của trường trung bình không quá 0,7%, không có HS xếp học lực loại kém. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 98% [H5-5.6-02]; [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Tỷ lệ HS bỏ học của trường không quá 1%, tỷ lệ HS lưu ban không quá 2% [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03]; [H1-1.5-03]; [H5-5.6-02];.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ HS xếp loại khá và giỏi vượt so với quy định; tỷ lệ HS xếp loại học lực trung bình, yếu giảm, không có HS xếp học lực loại kém.

3. Điểm yếu

Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm trung bình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, thực hiện có hiệu quả công tác phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi và đổi mới phương pháp dạy học để phù hợp với đối tượng học sinh.

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể địa phương, Đoàn thanh niên, gia đình HS giáo dục đạo đức, lối sống cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo quy định do Bộ GDĐT, Sở GDĐT ban hành.

Tỷ lệ HS xếp loại khá và giỏi, tốt đạt so với quy định; đạt thành tích cao trong các thành cao trong các kỳ thi HS giỏi, Sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, Ngày hội STEM, cuộc thi vô địch Tin học văn phòng thế giới.

Tỷ lệ HS tham gia học nghề và kết quả xếp loại học nghề của HS đạt 100%.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT 100%.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống cho HS.

- Điểm yếu cơ bản:

Công tác phụ đạo HS yếu chưa có giải pháp tốt, nên tỉ lệ HS yếu hàng năm vẫn còn cao.

Chất lượng tốt nghiệp THPT của một số môn học Khoa học xã hội như môn Lịch sử, Giáo dục công dân còn thấp so với mặt bằng tỉnh.

Số lượng, chất lượng HS giỏi cấp tỉnh hàng năm ở một số bộ môn khoa học tự nhiên như Vật lý, Hóa học còn hạn chế.

Chưa tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm do các trường đại học tổ chức và tham quan, học tập các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu phục vụ giảng dạy nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú. Một số GV chưa nắm được nhiều về kiến thức địa phương.

Công tác tổ chức cho HS tham quan, trải nghiệm thực tế về văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán của các dân tộc của địa phương của nhà trường còn hạn chế.

Trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế.

Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm trung bình.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 6; Mức 2: 6; Mức 3: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đúng theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT Lâm Đồng. Việc xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, biện pháp thực hiện, phù hợp với mục tiêu của GDPT, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường. Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ yếu thực hiện theo định hướng của ngành, chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Việc xác định được mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện cụ thể, phù hợp với mục tiêu của GDPT, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có sự tham khảo các nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045, kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường có sự tiếp thu định hướng đổi mới giáo dục, những nội dung tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới, phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường; đồng thời có biện pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBQL và GV để tham khảo các chương trình giáo dục trên thế giới.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu. Tạo điều kiện cho HS có năng khiếu được tham gia các lớp bồi dưỡng và đạt giải trong kỳ thi HS giỏi, sáng tạo KHKT, vô địch Tin học văn phòng thế giới, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao GDQP do các cấp tổ chức.

Tất cả HS có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường tổ chức học phụ đạo, cấp học bổng khuyến học để giúp đỡ. Đa số HS được tạo điều kiện giúp đỡ đều nỗ lực, phấn đấu vươn lên trong học tập, Tuy nhiên, một số ít HS có hoàn cảnh khó khăn vẫn còn chậm tiến bộ học tập, rèn luyện. Sự phối hợp các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn chưa thường xuyên [H5-5.2-01]; [H1-1.2-08]; [H1-1.5-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn để thành mục tiêu giáo dục cá nhân HS với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, đoàn thể, GV, các mạnh thường quân.

3. Điểm yếu

Một số ít HS có hoàn cảnh khó khăn vẫn còn chậm tiến bộ học tập, rèn luyện. Sự phối hợp các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục rà soát, phân tích, đánh giá kết quả từng năm học để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS có năng khiếu, xây dựng kế hoạch riêng biệt giáo dục cho đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn hiệu quả hơn.

Tích cực phối hợp với các tổ chức, cá nhân, chính quyền địa phương để tạo điều kiện, giúp đỡ cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục cá nhân.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch, phát động phong trào nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật đến toàn thể GV và HS. Tổ chức phân công những GV có năng lực, kinh nghiệm hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học.

HS nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học theo GV hướng dẫn. Trong những năm qua, nhà trường luôn có HS tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường và cấp tỉnh (02 giải nhì, 04 giải tư, 01 giải ba và 01 giải

khuyến khích). Tuy nhiên, trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế [H2-2.2-05]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

HS nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường, cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục xây dựng, tổ chức kế hoạch cuộc thi KHKT cho HS, phân công GV có năng lực hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, công nghệ, vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường được trang bị 10 máy vi tính có kết nối mạng Internet, hệ thống wifi và số lượng sách giáo khoa, sách tham khảo... đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, phục vụ dạy học, các hoạt động khác của CB, GV, NV và HS. Tuy nhiên, thư viện nhà trường chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, chưa có đủ nguồn tài liệu số để đáp ứng các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ máy tính, sách, sách tham khảo và các xuất bản phẩm tham khảo, cơ bản phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo của thư viện còn ít, chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, nguồn tài liệu số để đáp ứng tốt cho các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch hiện đại hóa thư viện bằng cách đầu tư hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, nâng cấp kết nối Internet băng thông rộng, bổ sung nguồn tài liệu truyền thống và đầu tư tài liệu số phong phú; xây dựng mô hình thư viện xanh, thân thiện với môi trường.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Theo từng giai đoạn, nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu của GDPT, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và điều kiện thực tế. Hàng năm, có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu chưa đạt về số lượng và chất lượng so với mục tiêu đề ra [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu của GDPT, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Trong 5 năm liên tiếp, nhà trường chưa hoàn thành một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới. Tranh thủ huy động các nguồn lực để hoàn thiện một số mục tiêu về CSVC trong năm 2024, 2025.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường có sự chuyển biến tích cực trong 5 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ HS xếp loại học lực khá, giỏi tăng, tỷ lệ HS xếp loại học lực trung bình, yếu giảm, không có HS xếp học lực loại kém; tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt trên 98%, không có HS xếp hạnh kiểm loại yếu. Tỷ lệ HS lên lớp luôn đạt trên 98%, lên lớp sau khi thi lại trên 99%; Tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đạt 100%. Tỷ lệ HS tốt nghiệp nghề phổ thông hàng năm đạt 100%.

Trong những năm gần đây kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường có năm có sự vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng ở trên địa bàn tỉnh (năm 2022 có 01 học sinh đạt giải 3 Quốc gia cuộc thi vô địch tin học văn phòng thế giới, năm 2023 trường được nhận cờ thi đua của UBND tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên, số lượng HS giỏi bộ môn cấp tỉnh hàng năm còn hạn chế, chưa có sự ổn định, đồng đều ở các bộ môn. Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm trung bình [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

CLGD của nhà trường ngày càng nâng cao. Trong 2 năm gần đây, HS nhà trường đã tham gia và đạt được nhiều thành tích cao trong các cuộc thi HS giỏi, nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; Vô địch Tin học văn phòng cấp quốc gia. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT 100%.

Trong những năm gần đây kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường có năm có sự vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng ở trên địa bàn tỉnh (năm 2022, năm 2023)

3. Điểm yếu

Số lượng HS giỏi bộ môn cấp tỉnh hàng năm còn hạn chế, chưa có sự ổn định, đồng đều ở các bộ môn. Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm trung bình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục. Duy trì hiệu quả hoạt động bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu, đưa ra các giải pháp đột phá để đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

- Điểm mạnh nổi bật:

HS nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia và đạt giải cao trong các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc tế.

CLGD của nhà trường ngày càng nâng cao. Trong 2 năm gần đây, HS nhà trường đã tham gia và đạt được nhiều thành tích cao trong các cuộc thi HS giỏi, nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; Vô địch Tin học văn phòng cấp quốc gia. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT 100%.

- Điểm yếu cơ bản:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có sự tham khảo các nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

Một số ít HS có hoàn cảnh khó khăn vẫn còn chậm tiến bộ học tập, rèn luyện. Sự phối hợp các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn chưa thường xuyên.

Trường chưa có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp quốc gia, quốc tế.

Số lượng HS giỏi bộ môn cấp tỉnh hàng năm còn hạn chế, chưa có sự ổn định, đồng đều ở các bộ môn. Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm trung bình.

Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 02

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 4: 04.

+ Tổng số chỉ báo của Mức 4: 6

- + Tiêu chí M4.01: Không đạt
- + Tiêu chí M4.02: Không đạt
- + Tiêu chí M4.03: Đạt
- + Tiêu chí M4.04: Không đạt
- + Tiêu chí M4.05: Không đạt
- + Tiêu chí M4.06: Đạt
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 4/6 tiêu chí chiếm 66.67%
 - Đạt mức 4: 2/6 tiêu chí chiếm 33.33%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
 - Đạt mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
 - Đạt mức 2: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
 - Đạt mức 3: 20/20 tiêu chí chiếm 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 2/6 tiêu chí chiếm 66.67%
 - Đạt mức 4: 1/6 tiêu chí chiếm 33.33%

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn tận tình của Sở GDĐT Lâm Đồng; sự phối hợp, hỗ trợ đắc lực của các tổ chức, đoàn thể và các thành viên trong và ngoài nhà trường. Các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác có tinh thần trách nhiệm cao, luôn biết lắng nghe, tiếp thu các ý kiến góp ý, tư vấn hỗ trợ của lãnh đạo nhà trường, Tổ trưởng chuyên môn ... để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Báo cáo tự đánh giá của trường THPT Phan Bội Châu được hoàn thành là kết quả của quá trình chất lọc, rút kinh nghiệm trong các hoạt động giáo dục toàn diện của trường nhằm tìm ra những ưu điểm để phát huy và tìm ra những mặt hạn chế, từ đó đề

ra hướng khắc phục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần phát triển văn hóa - xã hội của địa phương.

Xét lại toàn bộ các tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ số giáo dục do Bộ GDĐT ban hành, chúng tôi nhận thấy trường đã thực hiện khá tốt nhiệm vụ theo yêu cầu chuẩn kiểm định CLGD; từ công tác tổ chức và quản lý đội ngũ, đến việc thực hiện các hoạt động giáo dục, về quản lý tài chính và CSVC, sự phối hợp giữa nhà trường với CMHS.

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Trường THPT Phan Bội Châu đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Di Linh, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũng

DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|--|---|---|---------------------------|
| Tiêu chuẩn 1 | | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | [H1-1.1-01] | Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt | | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| | [H1-1.1-02] | Các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.1-03] | Nghị quyết chi bộ về định hướng phát triển | Hồ sơ chi bộ | Bí thư | Bí thư CB |
| | [H1-1.1-04] | http:// thptphanboichau.lamdong.edu.vn | | GV trách CNTT | Website |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| Tiêu chí 1.2 | [H1-1.1-02] | Các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng | Hồ sơ quản lý | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn | Hồ sơ quản lý | Hiệu trưởng | HT, P.HT |
| | [H1-1.2-04] | Các biên bản của các hội đồng có nội dung liên quan | Hồ sơ quản lý | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| | [H1-1.2-05] | Các biên bản có liên quan về việc kiểm tra của các cơ quan chức năng | Hồ sơ quản lý | Hiệu trưởng | HT,PHT |
| [H1-1.2-06] | Hồ sơ thi đua | Hồ sơ quản lý | P Hiệu trưởng; CT CĐ; BT Đoàn | Lưu Văn thư | |
| Tiêu chí 1.3 | [H1-1.3-01] | Quyết định về việc thành lập công đoàn nhà trường (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội công đoàn, quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chủ tịch, phó chủ tịch ...) | Hồ sơ công đoàn | CT CĐ | Chủ tịch công đoàn |
| | [H1-1.3-02] | Quyết định thành lập (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội) đoàn trường, Hội chữ thập đỏ | Hồ sơ Đoàn thanh niên | HT; Bí thư Đoàn thanh niên | Bí thư Đoàn TN; CĐ GV; VT |
| | [H1-1.3-03] | Kế hoạch tổ chức hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Chi bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn | HSCB; HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chữ thập đỏ | BTCB; Chủ tịch CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BT đoàn, chủ tịch CĐ |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------|--|---|---|--------------------------|
| | [H1-1.3-04] | Các văn bản có liên quan của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hội CTĐ | HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chữ thập đỏ | Chủ tịch CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BT Đoàn; CT CĐ |
| | [H1-1.3-05] | Báo cáo sơ kết, tổng kết về hoạt động của các đoàn thể hàng năm; Văn bản kiểm tra đánh giá cơ quan cấp trên hàng năm | HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chữ thập đỏ | Chủ tịch CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BT Đoàn; CTCĐ |
| | [H1-1.3-06] | Quyết định thành lập tổ chức Đảng CSVN của nhà trường (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội chi bộ, quyết định chuẩn y, công nhận chi uỷ, bí thư, phó bí thư) | Hồ sơ chi bộ | BT CB | BTCB; PBT |
| | [H1-1.3-07] | Báo cáo hoạt động của Chi bộ nhà trường hàng năm | Hồ sơ chi bộ | BT CB | BTCB; PBT |
| | [H1-1.3-08] | Văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng. | Hồ sơ chi bộ | BT CB | BTCB; PBT |
| | [H1-1.3-09] | Giấy khen, Bằng khen... của tổ chức Đảng cấp trên công nhận tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường và các tổ chức đoàn thể khác hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hồ sơ chi bộ, HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chữ thập đỏ | BTCB, CT CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BTCB; PBT; CTCĐ; BT Đoàn |
| Tiêu chí 1.4 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và Hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Hồ sơ HT | Giám đốc Sở GDĐT | HT, PHT |
| | [H1-1.4-02] | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Hồ sơ TCM | Hiệu trưởng; TTCM | Văn thư |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-05] | Biên bản kiểm tra hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-06] | Biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm | Hồ sơ đánh giá chuẩn HT, PHT, GV | Hiệu trưởng | Văn thư |
| [H1-1.4-07] | Các chuyên đề tổ chuyên môn | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ trưởng | Tổ trưởng | |
| Tiêu chí 1.5 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-01] | Sổ đăng bộ | Văn phòng | THPT PBC | Văn thư |
| | [H1-1.5-02] | Sổ gọi tên ghi điểm | Văn phòng | THPT PBC | Văn thư |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm lớp | Văn phòng | THPT PBC | Thư viện |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|--|---|---|---------------|
| Tiêu chí 1.6 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | | THPT PBC | |
| | [H1-1.6-01] | Sổ đăng ký văn bản đi, đến | Văn phòng | THPT PBC | Lưu Văn thư |
| | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.6-03] | Sổ quản lý tài chính | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.6-04] | Các biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm toán,...có đánh giá trả về các nội dung liên quan | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.6-05] | Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.6-06] | Báo cáo tài chính hàng năm, quyết toán hàng năm, công khai tài chính | Hồ sơ quản lý tài chính | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.6-07] | Dự toán ngân sách hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Kế toán |
| Tiêu chí 1.7 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và Hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-01] | Kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Hiệu trưởng |
| | [H1-1.7-02] | Hồ sơ đánh giá viên chức và NLĐ hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Lưu Văn thư |
| | [H1-1.7-03] | Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | VT, PHT CM |
| | [H1-1.7-04] | Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hàng tháng đến phòng kế toán | Hồ sơ quản lý tài chính | HT , Kế toán | Lưu Kế toán |
| | [H1-1.7-05] | Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Hiệu trưởng |
| Tiêu chí 1.8 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm | | THPT PBC | |
| | [H1-1.2- 05] | Các biên bản có liên quan về việc kiểm tra của các cơ quan chức năng | | THPT PBC | |
| | [H1-1.2-08] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt chuyên môn | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-02] | Kết quả đánh giá viên chức | | THPT PBC | |
| | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục của giáo viên | Hồ sơ tổ chuyên môn | GV | Tổ trưởng; GV |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|----------------------|--|--|---|---|-------------------|
| | [H1-1.8-02] | Thời khoá biểu | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H1-1.8-03] | Sổ ghi đầu bài | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Thư viện |
| | [H1-1.8-04] | Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H1-1.8-05] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| Tiêu chí 1.9 | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-05] | Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.3-05] | Báo cáo của công đoàn | | THPT PBC | |
| | [H1-1.9-01] | Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân | Hồ sơ Ban TTrND | Ban TTND | TB TTND |
| | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp dân | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H1-1.9-03] | Quy chế dân chủ của nhà trường | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H1-1.9-04] | Báo cáo khiếu nại tố cáo hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư, V5 |
| [H1-1.9-05] | Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường | Quy chế, quy định | THPT PBC | Văn thư, V5 | |
| Tiêu chí 1.10 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.3-04] | Các văn bản có liên quan của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hội CTĐ | HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chữ thập đỏ | Chủ tịch CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BT Đoàn; CT CĐ |
| | [H1-1.10-01] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; Văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Phó HT CSVC |
| | [H1-1.10-02] | Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm | Hồ sơ y tế | THPT PBC | Nhân viên y tế |
| | [H1-1.10-03] | Hộp thư góp ý của nhà trường; Sổ điện thoại đường dây nóng của nhà trường | Quan sát | THPT PBC | |
| | [H1-1.10-04] | Các bài viết tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại | Hồ sơ quản lý nhà trường, Đoàn TN | THPT PBC | PHT CSVC, đoàn TN |
| | [H1-1.10-05] | Hồ sơ phòng cháy chữa cháy | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Phó HT CSVC |
| | [H1-1.10-06] | Hồ sơ y tế học đường | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Nhân viên y tế |
| | [H1-1.10-07] | Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Phó HT CSVC |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|---|---|---|---------|
| Tiêu chuẩn 2 | | | | | |
| | [H1-1.7-02] | Hồ sơ kiểm tra, đánh giá công chức, viên chức và nhân viên hàng năm | | THPT PBC | |
| | [H2-2.1-01] | Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.1-02] | Công văn triệu tập, quyết định cử đi học | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| | [H2-2.1-03] | Văn bản triệu tập hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| | [H2-2.1-04] | Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ | Hồ sơ viên chức | THPT PBC | Văn thư |
| Tiêu chí 2.2 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-03] | Bảng phân công chuyên môn của nhà trường | | THPT PBC | |
| | [H2-2.2-01] | Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.2-02] | Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm - | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.2-04] | Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H2-2.2-05] | Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận có thẩm quyền | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.2-06] | Bảng đánh giá đề tài sáng kiến- giải pháp hữu ích giáo viên | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| Tiêu chí 2.3 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.2-06] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-02] | Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên | | THPT PBC | |
| | [H1-1.7-03] | Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm | | THPT PBC | |
| | [H2-2.3-01] | Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.3-02] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.3-03] | Văn bản triệu tập nhân viên tham gia dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ | Công văn đến | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.3-04] | Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | HT |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|---|---|---|---------------|
| | [H2-2.3-05] | Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | HS VC-Văn thư |
| Tiêu chí 2.4 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-01] | Sổ đăng bộ | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-02] | Sổ gọi tên và ghi điểm | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |
| | [H2-2.4-01] | Hồ sơ tuyển sinh lớp 10 | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Văn thư |
| | [H2-2.4-02] | Hồ sơ tư vấn tâm lý cho học sinh | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Tổ tư vấn |
| | [H2-2.4-03] | Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện | | THPT PBC | |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị dạy học | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-01] | Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường | Hồ sơ quản lý nhà trường | UBND tỉnh Lâm Đồng | Văn thư |
| | [H3-3.1-02] | Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| | [H3-3.1-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CSVC |
| Tiêu chí 3.2 | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị dạy học | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | |
| | [H3-3.2-01] | Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CSVC; KT |
| Tiêu chí 3.3 | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị dạy học | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-02] | Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | |
| | [H3-3.2-03] | Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất | | THPT PBC | |
| | [H3-3.3-01] | Sơ đồ tổng thể của nhà trường | | THPT PBC | |
| | [H3-3.3-02] | Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán, PHT |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|---|---|---|--------------------|
| Tiêu chí 3.4 | [H3-3.1-02] | Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | |
| | [H3-3.4-01] | Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch | Hồ sơ y tế | THPT PBC | Nhân viên y tế. |
| | [H3-3.4-02] | Hợp đồng cung cấp nước sạch; hoặc minh chứng về nguồn nước sạch | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| | [H3-3.4-03] | Hoá đơn thu tiền nước hàng tháng | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| | [H3-3.4-04] | Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| Tiêu chí 3.5 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị dạy học | | THPT PBC | |
| | [H3-3.2-01] | Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất | | THPT PBC | |
| | [H3-3.5-01] | Hợp đồng kết nối mạng internet | | THPT PBC | Kế toán |
| | [H3-3.5-02] | Hóa đơn thanh toán tiền Internet hằng tháng của nhà trường | | THPT PBC | Kế toán |
| | [H3-3.5-03] | Hồ sơ mua sắm, sửa chữa thiết bị hàng năm | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | Kế toán |
| Tiêu chí 3.6 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị dạy học | | THPT PBC | |
| | [H3-3.1-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | |
| | [H3-3.6-01] | Hồ sơ quản lý thư viện | HS thư viện | THPT PBC | Nhân viên thư viện |
| | [H3-3.6-02] | Biên bản kiểm tra có nội dung liên quan | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT, NV TV |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H4-4.1-01] | Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường | Hồ sơ BĐDCMHS | Hội CMHS | Hiệu trưởng |
| | [H4-4.1-02] | Nghị quyết của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Hồ sơ BĐDCMHS | Hội CMHS | Hiệu trưởng |
| | [H4-4.1-03] | Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Hồ sơ BĐDCMHS | Hội CMHS | Hiệu trưởng |
| | [H4-4.1-04] | Các biên bản họp cha mẹ học sinh | Hồ sơ BĐDCMHS | Hội CMHS | Hiệu trưởng |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------|--|---|---|---------------|
| | [H4-4.1-05] | Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất | Hồ sơ BĐDCMHS | Hội CMHS | Hiệu trưởng |
| Tiêu chí 4.2 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-03] | Nghị quyết chi bộ về định hướng phát triển | Hồ sơ chi bộ | Bí thư | Bí thư CB |
| | [H1-1.1-04] | Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.3-05] | Báo cáo sơ kết, tổng kết về hoạt động của các đoàn thể hàng năm; Văn bản kiểm tra đánh giá cơ quan cấp trên hàng năm | HS quản lý Đoàn thanh niên, Công đoàn, Chử thập đỏ | Chủ tịch CĐ, BT Đoàn TN, Chi hội trưởng CTĐ | BT Đoàn; CTCĐ |
| | [H1-1.3-07] | Báo cáo hoạt động của Chi bộ nhà trường hàng năm | Hồ sơ chi bộ | BT CB | BTCB; PBT |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết nhà trường và hội đồng trường | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H2-2.2-07] | Bảng đánh giá đề tài sáng kiến- giải pháp hữu ích giáo viên | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H5-5.1-01] | Các minh chứng về sinh hoạt chuyên môn về hoạt động thảo luận, nghiên cứu bài học. | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ trưởng | Tổ trưởng |
| | [H5-5.1-02] | Bảng tổng hợp kết quả giáo dục của học sinh | Hồ sơ quản lý hiệu trưởng | THPT PBC | PHT CM |
| | [H5-5.1-03] | Đề kiểm tra, đáp án môn học, theo dõi kết quả học tập bộ môn của học sinh | Hồ sơ quản lý nhà trường; Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ trưởng; GV | PHT CM; TTCM |
| Tiêu chí 5.2 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.2-08] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|-----------------------|--------------------------|---|---|---|------------------------|
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |
| | [H2-2.2-07] | Các báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm | | THPT PBC | |
| | [H5-5.2-01] | Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H5-5.2-02] | Danh sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn | Hồ sơ quản lý nhà trường; Hồ sơ chữ thập đỏ, khuyến học | THPT PBC | Văn thư, Y tế, Đoàn TN |
| Tiêu chí 5.3 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |
| | [H2-2.2-07] | Bảng đánh giá đề tài sáng kiến- giải pháp hữu ích giáo viên | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| Tiêu chuẩn 5.4 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.5-02] | Sổ gọi tên và ghi điểm | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |
| | [H5-5.4-01] | Hồ sơ hoạt động trải nghiệm - ngoại khoá | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| | [H5-5.4-02] | Kế hoạch tư vấn hướng nghiệp- dạy nghề | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CSVC |
| | [H5-5.4-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CSVC |
| Tiêu chuẩn 5.5 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|-----------------------|--------------------------|---|---|---|----------------|
| | [H1-1.10-07] | Hồ sơ an toàn giao thông - phòng chống bạo lực học đường, tai nạn, thương tích | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H5-5.4-01] | Hồ sơ hoạt động trải nghiệm - ngoại khoá | | THPT PBC | |
| | [H5-5.4-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | |
| Tiêu chí 5.6 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| | [H1-1.2-08] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tháng, năm học (kế hoạch chuyên môn tổ; kế hoạch BDTX tổ) | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn hàng năm | Hồ sơ tổ chuyên môn | Tổ CM | Tổ trưởng |
| | [H1-1.5-02] | Sổ gọi tên và ghi điểm | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |
| | [H5-5.6-01] | Hồ sơ tuyển sinh đại học- cao đẳng hàng năm. | | THPT PBC | Văn thư |
| | [H5-5.6-02] | Hồ sơ tổ chức ôn thi THPT Quốc gia hàng năm | | THPT PBC | PHT chuyên môn |
| | [H5-5.6-03] | Các hình ảnh, tư liệu liên quan | | THPT PBC | Tổ CM |
| Tiêu chí mức 4 | | | | | |
| Tiêu chí M4.01 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.1-06] | Kế hoạch phát triển giáo dục, Kế hoạch giáo dục nhà trường | | Hiệu trưởng | Văn thư |
| Tiêu chí M4.02 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| | [H1-1.2-08] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H1-1.4-04] | Biên bản sinh hoạt chuyên môn | | THPT PBC | |
| | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm | | THPT PBC | |

| TT | Mã thông tin, minh chứng | Tên thông tin minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|-----------------------|--------------------------|---|---|---|--------------------|
| | [H5-5.2-01] | Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| Tiêu chí M4.03 | [H1-1.2-08] | Hồ sơ thi đua | | THPT PBC | |
| | [H2-2.2-05] | Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận | Hồ sơ quản lý nhà trường | THPT PBC | PHT CM |
| Tiêu chí M4.04 | [H1-1.6-02] | Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục | | THPT PBC | |
| | [H3-3.6-01] | Hồ sơ quản lý thư viện | HS thư viện | THPT PBC | Nhân viên thư viện |
| Tiêu chí M4.05 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |
| Tiêu chí M4.06 | [H1-1.1-02] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | | THPT PBC | |